

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018)



**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định đăng ký niêm yết số: **397/QĐ-SGDHCM** do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày **05 tháng 10** năm 2018)

**BẢN CÁO BẠCH VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Địa chỉ: Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (84-27) 4384 2255 Fax: (84-27) 4384 1838

Website : <http://www.tdmwater.vn>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0510 Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Ông Trần Thế Hưng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84-27) 4384 2255 – 4384 2277





## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

#### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một  
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông  
Mã cổ phiếu : TDM  
Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu  
Tổng số lượng niêm yết : 81.200.000 (Tám mươi một triệu hai trăm nghìn) cổ phiếu  
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá : 812.000.000.000 (Tám trăm mười hai tỷ) đồng

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC 2016:

##### Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Trụ sở chính : Tầng 6 – Tòa nhà HUD, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84-28) 3840 6618  
Fax : (84-28) 3840 6616  
Website : [www.vaco.com.vn](http://www.vaco.com.vn)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC 2017, SOÁT XÉT BCTC GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG 2018

##### Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính : 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại : (84-24) 3824 1990  
Fax : (84-24) 3824 3973  
Website : [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Trụ sở chính : Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3972 4568

Fax : (84-24) 3972 4600

Website : [www.vndirect.com.vn](http://www.vndirect.com.vn)



## MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
1.1.	Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới.....	6
1.2.	Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam.....	7
1.3.	Lạm phát.....	8
1.4.	Lãi suất.....	9
2.	Rủi ro pháp lý.....	10
3.	Rủi ro đặc thù.....	10
4.	Rủi ro khác.....	11
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	12
1.	Tổ chức niêm yết.....	12
2.	Tổ chức tư vấn.....	12
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	15
1.	Tóm tắt quá trình hình thành phát triển.....	15
1.1	Thông tin chung về Công ty.....	15
1.2	Ngành nghề kinh doanh.....	15
1.3	Quá trình hình thành và phát triển.....	16
1.4	Quá trình tăng vốn điều lệ.....	17
2.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	20
3.	Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông.....	25
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	26
5.	Hoạt động kinh doanh.....	27
5.1	Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty.....	27
5.2	Cơ cấu doanh thu.....	30
5.3	Nguyên vật liệu.....	31
5.4	Chi phí sản xuất.....	33
5.5	Trình độ công nghệ.....	34
5.6	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	34
5.7	Hoạt động Marketing.....	35
5.8	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	35
5.9	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	35
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2016 – 2017.....	37
6.1	Kết quả hoạt động SXKD trong giai đoạn 2016 – 2017.....	37
6.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	38
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	39
7.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	39
7.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	40



7.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới .....	41
8.	Chính sách đối với người lao động .....	41
8.1	Tình hình lao động.....	41
8.2	Chính sách đối với người lao động .....	42
9.	Chính sách cổ tức.....	43
10.	Tình hình tài chính của Công ty .....	43
10.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	43
10.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	50
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	54
11.1	Hội đồng quản trị.....	54
11.2	Ban Tổng Giám đốc .....	60
11.3	Ban Kiểm soát .....	63
12.	Tài sản .....	66
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	67
13.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo .....	67
13.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	68
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	69
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	69
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	69
V.	<b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT</b> .....	70
1.	Loại chứng khoán .....	70
2.	Mệnh giá.....	70
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	70
4.	Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành .....	70
5.	Phương pháp định giá .....	72
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có).....	74
7.	Các loại thuế có liên quan .....	75
VI.	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT</b> .....	77
1.	Tổ chức tư vấn.....	77
2.	Tổ chức kiểm toán năm 2016 .....	77
3.	Tổ chức kiểm toán năm 2017 .....	77
VII.	<b>PHỤ LỤC</b> .....	78



## DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2011 – 2021F.....	7
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2019F .....	9
Hình 3: Lãi suất cho vay ngắn hạn và tỷ lệ lạm phát 2011 - 2017.....	9
Sơ đồ : Cơ cấu bộ máy quản lý CTCP Nước Thu Dầu Một .....	21
Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/09/2018.....	25
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 20/09/2018.....	26
Bảng 3: Giá trị sản xuất và tiêu thụ nước sạch của Công ty.....	29
Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính trong giai đoạn 2016 – 6 tháng đầu năm 2018 .....	30
Bảng 5: Lợi nhuận gộp Công ty năm 2016 – 6 tháng đầu năm 2018 .....	31
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu Công ty năm 2016 – 6 tháng đầu năm 2018 .....	32
Bảng 7: Chi phí SXKD Công ty năm 2016 – 6 tháng đầu năm 2018.....	33
Bảng 8: Một số hợp đồng lớn cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho đối tác.....	35
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty .....	37
Bảng 10: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2017 của các công ty trong ngành .....	40
Bảng 11: Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn .....	41
Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất.....	43
Bảng 13: Mức lương bình quân.....	44
Bảng 14: Mức lương bình quân của một số công ty trong ngành.....	44
Bảng 15: Các khoản phải nộp theo luật định.....	44
<b>Bảng 16: Các khoản nợ vay của Công ty.....</b>	<b>45</b>
Bảng 16: Chi tiết các khoản vay với các bên liên quan.....	46
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu.....	48
Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả.....	49
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty .....	52
Bảng 20: Tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2018.....	66
Bảng 21: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của TDM .....	67



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

#### 1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Sự phục hồi của kinh tế thế giới đang trở nên vững vàng hơn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu, trong năm 2016 là thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới là 3,2%, ước tính đạt mức 3,9% trong năm 2017 và giữ nguyên mức tăng này trong năm 2018 và 2019<sup>1</sup>. Các khu vực ghi nhận triển vọng kinh tế khả quan hơn trong năm mới có thể kể đến khu vực đồng tiền chung châu Âu, Nhật Bản, các nền kinh tế mới nổi ở châu Á và Đông Âu, cũng như Nga.

Những cải cách trong chính sách thuế của Mỹ dự kiến sẽ thúc đẩy các hoạt động kinh tế, đặc biệt là gia tăng các hoạt động đầu tư của khối tư nhân nhờ việc cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Nền kinh tế Mỹ và các đối tác thương mại của nước này dự kiến sẽ được hưởng lợi rất nhiều nhờ chính sách này trong vòng 3 năm tới. Tuy nhiên, quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn những rủi ro: trong khi triển vọng kinh tế có khả quan hơn so với dự báo trong năm 2017, tăng trưởng vẫn đang ở mức thấp tại nhiều quốc gia, và tỷ lệ lạm phát vẫn nằm ở dưới mức kỳ vọng ở phần lớn các nước đang phát triển. Các nước xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là nhiên liệu, đang bị ảnh hưởng xấu bởi nhu cầu nhập khẩu suy giảm. Trong khi các rủi ro ngắn hạn tương đối cân bằng, rủi ro về trung hạn tiềm tàng sẽ giảm bớt. Sự hồi phục kinh tế thế giới kể từ cuối năm 2016 và nửa đầu năm 2017 tạo ra cơ hội thuận lợi để chính phủ các nước tiến hành cải cách và đương đầu với các thách thức về chính sách trọng yếu: bao gồm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm lợi ích của tăng trưởng kinh tế được chia sẻ rộng rãi tới mọi thành phần kinh tế, và xây dựng một nền kinh tế vững mạnh đủ sức đương đầu với những rủi ro kinh tế lớn. Ngoài ra, cải cách nội dung các chương trình hợp tác đa phương là vô cùng cần thiết để đương đầu với những thử thách kinh tế toàn cầu.

Kinh tế thế giới giai đoạn 2018-2019 được dự đoán sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn, tuy nhiên, các quốc gia sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn đến từ việc lớn mạnh dần của chủ nghĩa bảo hộ cũng như tình hình thiếu ổn định ở các quốc gia phát triển. Các nước đang phát triển ở châu Á dự kiến đạt mức tăng trưởng trung bình trong năm 2018 là 6,5%, cao hơn nhiều mức tăng

---

<sup>1</sup> International Monetary Fund. "World Economic Outlook, October 2017 (English)." World Economic Outlook, October 2017





trưởng 3,7% của thế giới<sup>2</sup>. Tại khu vực ASEAN-5 (bao gồm Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan), tăng trưởng kinh tế trong năm 2018 dự kiến đạt mức 5,4% (so với mức 4,9% năm 2016 và 5,3% năm 2017), chủ yếu là do nhu cầu nhập khẩu từ các nước ngoài khu vực (như Trung Quốc và châu Âu) dự kiến tăng mạnh. Trong năm 2018, dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế tại Indonesia là 5,2%, tại Malaysia là 5,4%, tại Philippines là 6,6%, tại Thái Lan là 3,7%, và tại Việt Nam là 6,5%. Với những điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi nêu trên, ngành dịch vụ và tiêu dùng được dự kiến sẽ hưởng lợi nhờ thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh trong những năm tới.

Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng có thể sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA)... Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

**Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2011 – 2021F**



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

<sup>2</sup> "World Economic Outlook Update, January 2018: Brighter Prospects. Optimistic Markets. Challenges Ahead." IMF. Accessed January 30, 2018. <http://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2018/01/11/world-economic-outlook-update-january-2018>.



Năm 2016, kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố chính trị trong khu vực và trên thế giới như: kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, tăng trưởng thương mại ở mức thấp. Brexit, giá dầu thô và nông sản giảm cùng với những tác động của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng GDP là 6,2% của năm 2016, mặc dù chưa đạt chỉ tiêu 6,7% được đề ra nhưng Việt Nam vẫn đứng thứ 3 về tốc độ tăng trưởng GDP trong nhóm quốc gia châu Á đang phát triển. Đồng thời, trong năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới tăng kỷ lục với 110.1 nghìn doanh nghiệp, tăng trưởng 16,2% so với năm 2015.

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ấn tượng, đạt 6,81% theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đã đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 74%. GDP bình quân đầu người đạt 53,5 triệu đồng/năm (2.385 USD), tăng 7,7% so với năm 2016. Tổng vốn FDI giải ngân trong năm 2017 tăng kỷ lục ở mức 10,8% so với năm 2016. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cũng đạt mốc kỷ lục là 400 tỷ USD, thặng dư thương mại đạt 2,67 tỷ USD. Dự kiến trong năm 2018, tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt ít nhất là 6,5-6,7% theo thông báo thường niên của Chính phủ. Động lực thúc đẩy cho mức tăng trưởng này bao gồm nhiều yếu tố như sự phục hồi của các nền kinh tế thế giới như Mỹ, các nước nhập khẩu dầu, cùng với diễn biến tích cực từ nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp ngoại, kết hợp với một loạt cải cách về thể chế của Chính phủ.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất, thương mại trong nước và quốc tế. Ban lãnh đạo Công ty luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và điều chỉnh phương án kinh doanh trước những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, hoạt động của Công ty những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính và hoạt động của Công ty.

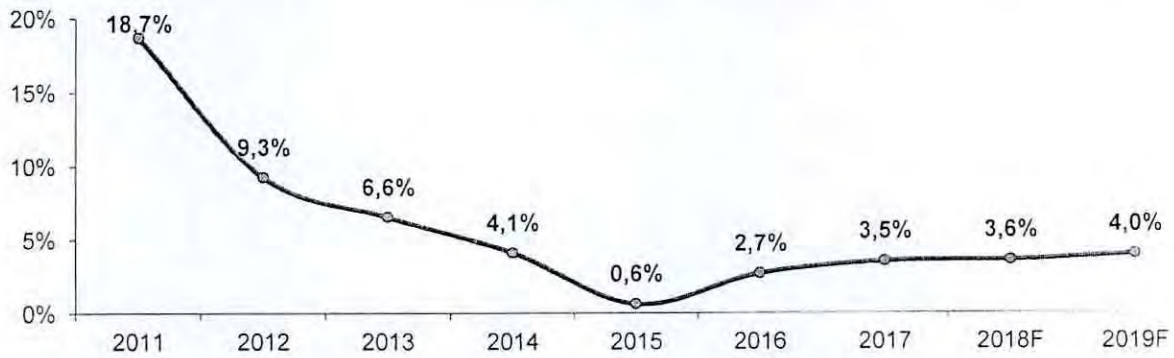
### **1.3. Lạm phát**

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, giai đoạn 2016 – 2020, NHNN đặt ra các chỉ tiêu định hướng về tiền tệ, tín dụng thấp hơn giai đoạn 2011 – 2015 nhưng vẫn cân đối đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát hợp lý lượng tiền cung ứng qua các kênh, qua đó đã góp phần kiểm soát tốt lạm phát.

Việc lạm phát trong năm 2016 và 2017 duy trì ổn định ở dưới mức mục tiêu 4% của NHNN hỗ trợ tạo tâm lý tốt cho cả nền kinh tế. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục. thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam. Trong năm 2018, sự gia tăng chi phí y tế, nhiên liệu, và thực phẩm sẽ tạo áp lực lên chỉ số tiêu dùng nhưng Chính phủ tự tin sẽ kiểm soát lạm phát trung bình ở mức dưới 4%.



Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2019F



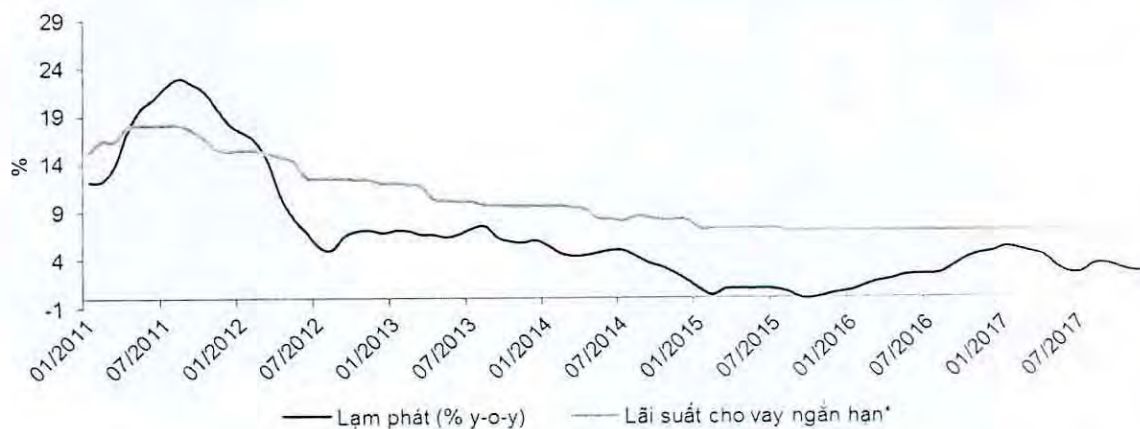
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường cung cấp nước sạch.

#### 1.4. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành. Trong năm 2017, nhờ dòng tiền mạnh mẽ chảy vào từ nước ngoài, đặc biệt là từ các thương vụ thoái vốn đình đám như Vinamilk hay Sabeco giúp cho Ngân hàng Nhà nước có thêm công cụ để cắt giảm lãi suất trong thời gian tới. Tăng trưởng tín dụng trong năm 2017 đạt mức kỷ lục 18,7%, cao nhất trong vòng 5 năm qua một phần nhờ những chính sách hỗ trợ giảm lãi suất của NHNN. Tuy vậy, nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của các ngành công nghiệp chế xuất và xuất khẩu, kinh tế Việt Nam trong năm 2017 đã tăng trưởng nhanh và đạt mục tiêu Chính phủ đề ra từ đầu năm mà không hoàn toàn dựa vào gia tăng tín dụng tức thời. Trong năm 2018, Chính phủ dự báo tăng trưởng tín dụng sẽ ở mức thấp hơn so với năm 2017. Tuy vậy thì rủi ro về việc tăng nóng tín dụng vẫn là một nguy cơ tiềm ẩn khi so sánh tăng trưởng tín dụng trong năm 2012 chỉ là 8,9% so với con số trên 18% trong năm 2017.

Hình 3: Lãi suất cho vay ngắn hạn và tỷ lệ lạm phát 2011 - 2017





Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nước sạch – một ngành cấp thiết trong nhu cầu sinh hoạt và sản xuất nên Công ty được các tổ chức tín dụng ưu đãi về mặt lãi suất cũng như đáp ứng nhu cầu vốn trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy.

## **2. Rủi ro pháp lý**

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên CTCP Nước Thủ Dầu Một chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

## **3. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết**

Cổ phiếu TDM được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM sẽ giúp quảng bá hình ảnh thương hiệu của Công ty đến các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài. Điều đó sẽ giúp cải thiện tính thanh khoản của cổ phiếu TDM. Từ đó, Công ty sẽ có cơ hội tiếp cận với những nguồn vốn mới để thúc đẩy các kế hoạch phát triển kinh doanh mới trong tương lai.

Tuy nhiên, với việc tăng tính thanh khoản, cổ phiếu TDM có thể gặp rủi ro biến động giá. Giá cổ phiếu chịu tác động từ rất nhiều yếu tố như tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, những thay đổi về luật pháp trong lĩnh vực chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư. Do đó, những biến động về giá cổ phiếu là yếu tố khó lường mà nhà đầu tư cần tính đến.

## **4. Rủi ro tăng vốn điều lệ nhanh**

Trong thời gian vừa qua, Công ty đã tăng vốn điều lệ liên tục và với quy mô lớn, từ năm 2014 đến năm 2018, vốn điều lệ tăng từ 200 tỷ lên 812 tỷ đồng. Toàn bộ khoản vốn thu được đều được sử dụng để mở rộng quy mô hoạt động theo chiều sâu, rộng trong ngành nước như xây dựng thêm nhà máy mới, tăng công suất hoạt động, nắm quyền sở hữu ở các công ty khác trong ngành nước được đánh giá là rất mạnh trong ngành nước...Do đó, tốc độ tăng trưởng Doanh thu, Lợi nhuận trong cả giai đoạn trên đều rất tốt. Cụ thể, Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS). Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (BV), tỷ lệ Lợi nhuận chi trả cổ tức đều tăng không bị pha loãng giảm như các công ty khác trong ngành có cùng tốc độ tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty luôn định hướng đẩy mạnh quy mô hoạt động hơn nữa trong ngành nước nên việc tăng vốn điều lệ trong tương lai là rất cần thiết. Điều đó có thể tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty dẫn đến ảnh hưởng đến thu nhập của cổ đông trong một thời gian ngắn.



## **5. Rủi ro đặc thù**

### **5.1. Rủi ro về giá bán**

Với đặc thù của ngành nghề kinh doanh nước sạch, giá bán nước sạch của Công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương quy định, trong khi đó giá nguyên, nhiên vật liệu...đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng đến giá thành nước tăng. Giá bán chỉ được điều chỉnh thường kéo dài từ giai đoạn lập và trình các cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty. Điều đó dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác sản xuất và định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh của Công ty.

### **5.2. Rủi ro về tỷ lệ thất thoát nước**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tỷ lệ thất thoát nước luôn là mối quan tâm của Công ty. Đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành cung cấp nước sạch, nước luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Công ty có rủi ro đặc thù là thất thoát nước trong quá trình cung cấp nước sạch cho khách hàng. Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty vào khoảng 0,1%. Do Công ty chỉ quản lý và điều hành hai (02) Nhà máy nước Dĩ An và Nhà máy nước Bàu Bàng và cấp nước trực tiếp qua đồng hồ tổng (cấp sỉ) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương nên Công ty có thể chủ động kiểm tra rò rỉ nếu có.

### **5.3. Rủi ro liên quan đến chất lượng nước đầu vào**

Tình trạng biến đổi khí hậu, mùa hạn kéo dài thất thường, thiên tai liên tục xảy ra làm nước sông đang dần bị nhiễm mặn. Thêm vào đó, quá trình công nghiệp hóa càng làm gia tăng vấn đề ô nhiễm nguồn nước, làm ảnh hưởng đến nguồn nước thô của các doanh nghiệp sản xuất nước sạch. Để giải quyết nguồn nước đầu vào bị xuống cấp, Công ty luôn lấy mẫu nước kiểm tra, xét nghiệm hàng ngày theo quy định để kịp thời xử lý. Đảm bảo nước sau xử lý đạt “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01: 2009/BYT về chất lượng nước ăn uống”

## **6. Rủi ro khác**

Bên cạnh đó, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai (bão, lũ...) sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

Ông	<b>Nguyễn Văn Trí</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	<b>Trần Thế Hưng</b>	Tổng giám đốc
Bà	<b>Tăng Tố Vân</b>	Kế toán trưởng
Bà	<b>Nguyễn Thị Ngọc Thanh</b>	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Bà	<b>Vũ Nam Hương</b>	Giám đốc Tài chính
----	---------------------	--------------------

*(Theo Giấy ủy quyền số 255/2018/VNDIRECT ngày 08/05/2018 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT)*

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một cung cấp tại thời điểm tham gia lập Bản cáo bạch.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BCTC:	Báo cáo tài chính
Biwase:	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương
BKS:	Ban Kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CNĐKDN:	Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Công ty/TDM:	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
CTCP:	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ:	Đại hội Đồng cổ đông
Điều lệ:	Điều lệ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
DTT:	Doanh thu thuần
Dowaco:	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
GVHB:	Giá vốn hàng bán
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
LNG:	Lợi nhuận gộp
NH TMCP:	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước
SGDCK:	Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở KH&ĐT:	Sở Kế hoạch & Đầu tư



SXKD:	Sản xuất kinh doanh
Thuế GTGT:	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TP:	Thành phố
TSLĐ:	Tài sản lưu động
TTCK:	Thị trường Chứng khoán
TTLKCK:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
UBCKNN:	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
VCSH:	Vốn chủ sở hữu
Wase:	Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường



#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển**

###### **1.1 Thông tin chung về Công ty**

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**  
Tên giao dịch quốc tế : THU DAU MOT WATER JOINT STOCK COMPANY  
Tên viết tắt : TDMWATER.CO  
Trụ sở chính : Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương  
Điện thoại : (84-27) 4384 2255 – 4384 2277  
Fax : (84-27) 4384 1838  
Giấy CNĐKKD : Số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018  
Vốn điều lệ đăng ký : 812.000.003.750 (Tám trăm mười hai tỷ ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng  
Vốn thực góp : 812.000.003.750 (Tám trăm mười hai tỷ ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng  
Ngày chính thức được chấp thuận là công ty đại chúng : 08/3/2016

###### **1.2 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy CNĐKKD số 3702226772 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất
- Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước
- Xây dựng công trình công ích
- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp
- Thiết kế cấp thoát nước
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp
- Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật
- Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình
- Bán lẻ và bán buôn vật tư ngành nước



- Xây dựng nhà các loại
- Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Dịch vụ tư vấn về môi trường
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường.

### **1.3 *Quá trình hình thành và phát triển:***

#### **Giai đoạn 2013-2018:**

- |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2013 | Ngày 07/11/2013 thành lập mới CTCP Nước Thủ Dầu Một hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2014 | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An), công suất 45.000m <sup>3</sup> /ngày đêm theo quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đến tháng 09/2014 nhà máy hoàn thành đưa vào sử dụng sau gần 9 tháng thi công. Tháng 10/2014 Giai đoạn 1: Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một công suất 45.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm chính thức đi vào hoạt động. |
| 2015 | Sau 3 tháng đi vào hoạt công suất nhà máy đạt 80%, trước tình hình trên Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục triển khai khởi công giai đoạn 2: Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An) công suất 45.000m <sup>3</sup> /ngày đêm, nâng tổng công suất lên 90.000m <sup>3</sup> / ngày đêm.                                                                                                                                                                                               |
| 2017 | Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tiềm năng phát triển công nghiệp tại Khu công nghiệp Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương nên đã quyết định đầu tư dự án cấp nước Khu vực Bàu Bàng công suất 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm. Giai đoạn 1 công suất 15.000m <sup>3</sup> /ngày đêm, bao gồm các hạng mục xây dựng trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô và nhà máy xử lý. Nhà máy Nước Bàu Bàng giai đoạn 1 chính thức được đưa vào vận hành ngày 17/02/2017.                      |

#### **Giai đoạn công ty đại chúng:**

- |            |                                                                                                                                    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/03/2016 | CTCP Nước Thủ Dầu Một được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng                                                                  |
| 21/03/2016 | CTCP Nước Thủ Dầu Một được TTLKCK Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán lần đầu với tổng số lượng chứng khoán là |



- 30.000.000 cổ phiếu.
- 01/04/2016 Công ty đã chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM của SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán TDM, đánh dấu một bước phát triển mới của Công ty.
- 07/2017 Công ty phát hành thành công thêm 30.259.482 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ thực góp lên hơn 650 tỷ đồng.
- 12/2017 Công ty phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 650.404.963.750 đồng lên thành 812.000.003.750 đồng hoàn thành và báo cáo kết quả chào bán ngày 15/01/2018.

#### **1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ**

Tại thời điểm thành lập (07/11/2013), vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng. Đến tháng 8/2018, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 812.000.003.750 (Tám trăm mười hai tỷ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Quá trình góp vốn và tăng vốn của Công ty như sau:

##### **❖ Tháng 11/2013: Góp vốn lần đầu**

- Số lượng cổ phần: 20.000.000 cổ phần
- Giá trị theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng

##### **❖ Tháng 09/2014 – 04/2015: Tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 240.000.000.000 đồng**

- Căn cứ thực hiện:
  - Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 23/ĐHĐCĐ-NQ ngày 15/02/2014
  - Nghị quyết của HĐQT số 25/HĐQT-NQ ngày 17/02/2014
  - Nghị quyết của HĐQT số 83/HĐQT-NQ ngày 23/12/2014
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 40.000.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 49 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 49 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một





- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để bổ sung vốn đầu tư dự án “Xây dựng và cung cấp thiết bị trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý nước Nam Thủ Dầu Một-công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm”.

❖ **Tháng 12/2015: Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng**

- Căn cứ thực hiện:
  - Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 04/ĐHĐCĐ-NQ ngày 15/05/2015
  - Nghị quyết của HĐQT số 05/HĐQT-NQ ngày 16/05/2015
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 6.000.000 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 60.000.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 60.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi chào bán: 49 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi chào bán: 111 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để bổ sung vốn nhằm tham gia đầu tư dài hạn tại CTCP Cấp nước Đồng Nai với tổng giá trị là 60,3 tỷ đồng.

❖ **Tháng 09/2016: Tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng lên 347.810.143.750 đồng**

- Căn cứ thực hiện:  
Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 02A/ĐHĐCĐ-NQ ngày 01/03/2016
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu (\*)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 4.781.014 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 47.810.140.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 47.810.143.750 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi chào bán: 111 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi chào bán: 111 cổ đông

(\*) Đợt tăng vốn này dựa trên Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 02A/ĐHĐCĐ-NQ để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho dự án Nhà máy nước Bàu Bàng. Tuy nhiên, đến ngày 08/3/2016, Công ty trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 1046/UBCK-GSĐC ngày 08/3/2016 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán. Công ty



cổ phần Nước Thủ Dầu Một nhận thấy việc phát hành trên là chưa đủ điều kiện do không đăng ký với UBCKNN. Do vậy, theo Nghị quyết của HĐQT số 25/NQ-HĐQT ngày 07/12/2016, HĐQT đã phê duyệt việc hoàn trả tiền vốn góp cho các cổ đông tương ứng với phần tăng thêm 47.810.143.750 đồng ((bao gồm cả phí chuyển tiền phát sinh do cổ đông thực hiện chuyển nhằm). Ngày 07/12/2016, Công ty đã phát hành thông báo số 194/TB-CPNTDM để thực hiện việc hoàn trả vốn góp trên cho các cổ đông. Tuy nhiên, đến hết thời gian hoàn trả theo thông báo trên, không có cổ đông nào yêu cầu hoàn trả lại tiền vốn đã góp. Công ty ghi nhận vốn góp tương ứng tăng thêm vào vốn điều lệ của Công ty. Do đó, Công ty đã ghi nhận tăng thêm vốn điều lệ theo đúng số tiền nhận được. Vì những lý do trên nên vốn điều lệ của công ty phát sinh là 3.750 (Ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Ngày 11/01/2017, UBCKNN ra Quyết định số 28/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK đối với Công ty trong việc chào bán chứng khoán ra công chúng nhưng không đăng ký với UBCKNN khi Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 347,81 tỷ đồng trong giai đoạn từ 01/12/2015 đến 30/09/2016. Hình thức xử phạt hành chính là phạt tiền mặt. Công ty đã hoàn thành triển khai Quyết định trên và đã thanh toán tiền vi phạm.

- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để bổ sung vốn đầu tư dài hạn tại CTCP Nước – Môi trường Bình Dương với tổng giá trị đầu tư là 567.75 tỷ đồng.
- ❖ **Tháng 07/2017: Tăng vốn điều lệ từ 347.810.143.750 đồng lên 650.404.963.750 đồng**
- Căn cứ thực hiện:
  - Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2017
  - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2017
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:87
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 30.259.482 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 302.594.820.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 302.594.820.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi chào bán: 119 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi chào bán: 119 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Số tiền thu được dùng để trả nợ vay cổ đông và bổ sung vốn đầu tư dự án “Hệ thống cấp nước NMN Bàu Bàng - huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương”
- ❖ **Tháng 01/2018: Tăng vốn điều lệ từ 650.404.963.750 đồng lên 812.000.003.750 đồng**



- Căn cứ thực hiện:
  - Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường lần 2 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/11/2017
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành:
  - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2017
  - Phát hành riêng lẻ
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành:
  - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 15.000 đồng/cổ phần
  - Phát hành riêng lẻ: 20.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 16.159.504 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 161.595.040.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 307.392.560.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi chào bán: 312 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi chào bán: 321 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để trả nợ vay cổ đông và các tổ chức, trả nợ vay ngân hàng, bổ sung vốn lưu động.

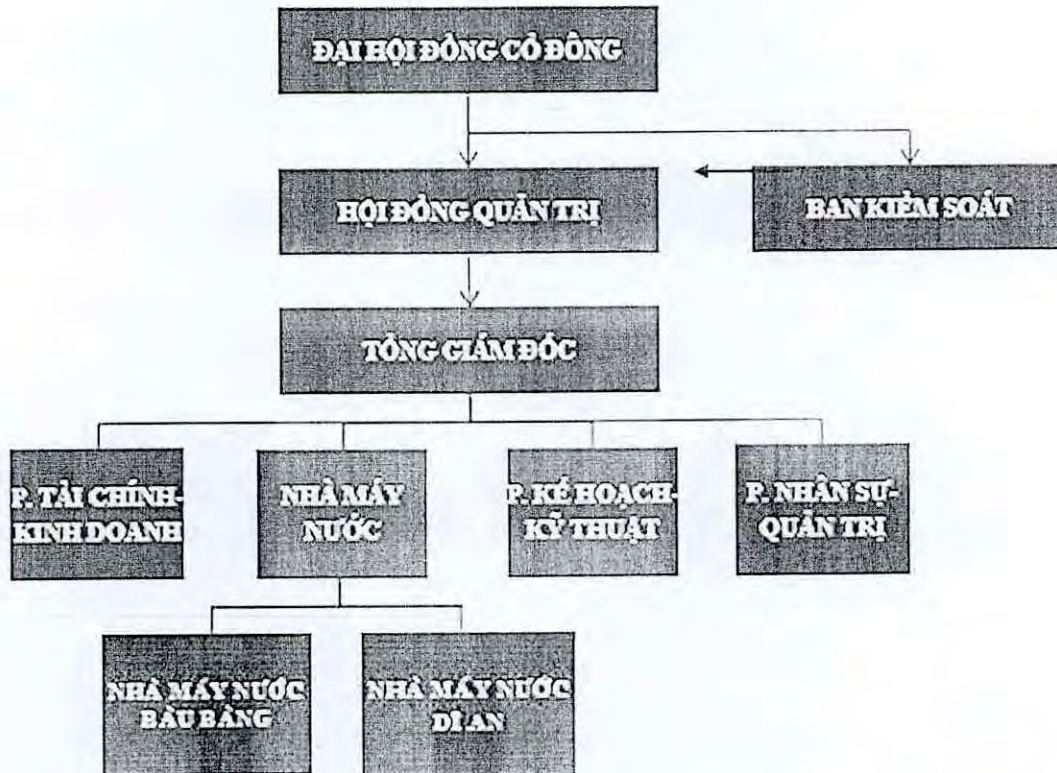
## **2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Hiện tại, CTCP Nước Thủ Dầu Một được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/07/2014.
- Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua ngày 05/4/2018 có sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty đại chúng.
- Trong quá trình hoạt động và phát triển, bộ máy của Công ty đã được xây dựng, điều chỉnh và kiện toàn để phù hợp với chiến lược phát triển, yêu cầu thực tế và đặc điểm hoạt động của Công ty.



Sơ đồ: Cơ cấu bộ máy quản lý CTCP Nước Thủ Dầu Một



(Nguồn: TDM)

❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức ít nhất một năm một lần. ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại HĐQT của CTCP Nước Thủ Dầu Một có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT của CTCP Nước Thủ Dầu Một bao gồm 05 thành viên:



Ông Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên HĐQT
Ông Lý Thế Anh Tuấn	Thành viên HĐQT - độc lập

❖ **Ban Kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc. trong ghi chép sổ sách kế toán và BCTC của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mộng Thường	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ái Nhân	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Công ty có 01 Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một bao gồm:

Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc
Bà Tăng Tổ Vân	Kế toán trưởng

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban chức năng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

• **Phòng Tài chính – Kế toán**

- Lập các báo cáo tài chính và quyết toán tài chính theo quy định. Báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty và các bộ phận trực thuộc theo tháng, quý, 6 tháng, năm để giúp Ban Tổng Giám đốc nắm chắc nguồn vốn, lãi, lỗ và các tình hình tài chính của Công ty.
- Lập kế hoạch tài chính năm, cân đối nguồn vốn.



- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc phát triển sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm quản lý vốn, thu hồi vốn.
  - Tham gia tính toán hiệu quả các chương trình đầu tư của công ty để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc.
  - Giám sát, hướng dẫn và đôn đốc về mặt nghiệp vụ tài chính đối với các bộ phận trực thuộc.
  - Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty.
  - Tổ chức hạch toán, kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng luật kế toán thống kê của Nhà nước.
  - Tổ chức thu hồi công nợ đạt hiệu quả tốt nhất.
  - Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty.
  - Lập kế hoạch, trình và tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - Đề xuất phương án kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
  - Tổ chức thực hiện phương án và tìm kiếm thị trường cho từng loại hình kinh doanh.
  - Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng theo từng lĩnh vực kinh doanh.
  - Lập kế hoạch tổ chức thực hiện tìm các dự án, phối hợp cùng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật tính toán và tham gia dự thầu các dự án phù hợp với chức năng hoạt động của Công ty.
  - Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh và có quyền có ý kiến trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật**
    - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
    - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tính toán các chương trình đầu tư, kinh doanh của Công ty.
    - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về tình hình thị trường liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, đề xuất để mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty.
    - Lập kế hoạch – lên báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ. Giúp Ban Tổng Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các biện pháp để hoàn thành kế hoạch đề ra.
    - Lập và theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng giao nhận thầu thi công, các hợp đồng liên doanh, liên kết, các hợp đồng giao việc trong nội bộ Công ty.
    - Tổ chức thực hiện hoặc thuê các đơn vị có chức năng thiết lập: dự toán, hồ sơ pháp lý liên quan đến các dự án và các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo đúng quy định



- hiện hành về xây dựng cơ bản; lập trình duyệt các dự án đầu tư, quyết định giao đất, giấy phép xây dựng, giấy phép khai thác nước mặt.
- Nghiên cứu, đề xuất các phương án kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật có hiệu quả cao nhất trong đầu tư.
  - Tổ chức thực hiện hoặc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc chọn đơn vị tư vấn về quản lý xây dựng, khảo sát thiết kế, giao nhận và tổ chức thi công các công trình đầu tư của Công ty.
  - Khảo sát thiết kế, lập dự toán cho các công trình, hạng mục công trình xây lắp, điện nước, trang thiết bị thuộc các dự án đầu tư của Công ty.
  - Kiểm tra hồ sơ thiết kế, dự toán, giám sát kỹ thuật thi công, quyết toán, hoàn công của các hạng mục, công trình đầu tư của Công ty.
  - Quản lý chất lượng công trình, lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng hạng mục công trình; đề xuất với Ban Tổng Giám đốc các biện pháp kỹ thuật đối với các sự cố trong quá trình thi công.
  - Tổ chức nghiệm thu, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.
  - Chịu trách nhiệm trong công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
  - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến công nghệ trong lĩnh vực thi công, lĩnh vực trang thiết bị, công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.
  - Quản lý, lưu trữ và phổ biến các hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ máy móc thiết bị, quy trình vận hành và các hồ sơ khác có liên quan.
  - Tiếp nhận chuyển giao và quản lý các quy trình vận hành thiết bị, công nghệ sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.
  - Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và được phát biểu ý kiến về mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Nhân sự – Quản trị**
    - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy của Công ty, bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.
    - Quản lý các tài sản khác ngoài Nhà máy Nước.
    - Tham mưu soạn thảo nội quy/ thỏa ước của Công ty, đồng thời theo dõi, rà soát việc thực hiện nội quy/ các thỏa ước được duyệt, thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, vệ sinh lao động của Công ty và các bộ phận trực thuộc; kết hợp công tác đối ngoại và phối hợp với các bộ phận, đơn vị có liên quan để thực hiện các công tác này.
    - Thực hiện và xây dựng các kế hoạch hội họp, xây dựng lịch công tác của Công ty theo từng tháng, chuẩn bị địa điểm, tài liệu về các cơ sở vật chất khác cho các cuộc hội họp của Công ty. Trực tiếp ghi biên bản, hoàn chỉnh và trình ký đồng thời triển khai nội dung đến các bộ phận lưu giữ.



- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, an ninh và các công tác khác, được phát biểu ý kiến trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch công nhân viên toàn Công ty, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về quy hoạch cán bộ, xây dựng các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên: tiếp nhận hồ sơ xin việc, nghiên cứu tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về việc đề bạt, phân công cán bộ quản lý của Công ty và các bộ phận trực thuộc theo phân cấp.
- Quản lý lao động tiền lương của cán bộ công nhân viên, phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán xây dựng Tổng Quỹ lương và phân bổ quỹ lương, tiền thưởng Công ty và các bộ phận trực thuộc.

### 3. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

**Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/09/2018**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
1.	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	Số 02, Đường ĐX 68, Tổ 49, Khu 6, P. Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam	3700773106	12.072.727	14,87
2.	Công ty TNHH Thương mại N.T.P	278 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM	0301658057	8.407.000	10,35
3.	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Lô C2, khu CN Đồng An II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	3700829126	7.000.000	8,62
4.	Nguyễn Hiền Triết	50/2A Tổ 2, Chánh Lộc, Chánh Mỹ, Thủ Dầu Một, Bình Dương	280648717	4.101.000	5,05
5.	Phạm Văn Chiến	73/3 KP.1, Tân Định, Bến Cát, Bình Dương	280602756	5.360.880	6,60
6.	Võ Văn Bình	102/16H/7T8 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP.HCM	023794681	4.500.000	5,55
<b>Tổng cộng</b>				<b>41.441.607</b>	<b>51,04</b>

(Nguồn: DSCĐ chốt tại ngày 20/09/2018 do VSD cung cấp)

CTCP Nước Thủ Dầu Một thành lập vào ngày 07/11/2013. Tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần



đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng từ ngày 07/11/2016.

**Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 20/09/2018**

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>81.200.000</b>	<b>812.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>320</b>
1	Cổ đông tổ chức	31.492.727	314.927.270.000	38,80	4
2	Cổ đông cá nhân	49.707.273	497.072.730.000	61,20	316
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-	-
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>81.200.000</b>	<b>812.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>320</b>

(Nguồn: DSCĐ chốt tại ngày 20/09/2018 do VSD cung cấp)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

- Công ty mẹ: Không có.
- Công ty con: Không có.
- Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (BWE)

Địa chỉ: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (84-27) 4383 8333 – 4389 7766

Giấy CNĐKKD: Số 3700145694 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 30/9/2016

Hoạt động kinh doanh chính:

- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Sản xuất nước khoáng;
- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất;

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng



Vốn góp của  
TDM tại BWE  
(31/12/2017): 695.758.875.002 đồng

Tỷ lệ quyền biểu  
quyết: 38,5%

**- Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường**

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3847 5164

Giấy CNĐKKD: Số 0300394676 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 23/5/2017

Hoạt động kinh doanh chính: - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
- Sản xuất máy chuyên dụng

Vốn điều lệ: 8.000.000.000 đồng

Vốn góp của  
TDM tại WSE  
(31/12/2017): 5.480.000.000 đồng, tương đương 25% vốn điều lệ

Tỷ lệ quyền biểu  
quyết: 25%

**5. Hoạt động kinh doanh**

**5.1 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty**

**❖ Cung cấp nước sạch cho khu vực Nam Thủ Dầu Một**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào sản xuất nước sạch cung cấp cho Khu vực Nam Thủ Dầu Một thông qua kênh phân phối bán sỉ cho Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương qua đồng hồ tổng. Hiện nay Công ty đang có 02 nhà máy nước bao gồm Nhà máy Nước Dĩ An công suất 90.000m<sup>3</sup>/ngày đêm và Nhà máy Nước Bàu Bàng công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**a. Nhà máy Nước Dĩ An (Dự án cấp nước mở rộng Nam Thủ Dầu Một) với tổng công suất 90.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.**

- Nhà máy Nước Dĩ An được khai thác từ nguồn nước sông Đồng Nai dẫn về nhà máy để xử lý theo Giấy phép khai thác nước số 08/GP-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.
- Được khởi công vào ngày 17/02/2014, hoàn thành đưa vào vận hành tháng 9/2014 với công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (giai đoạn 1).



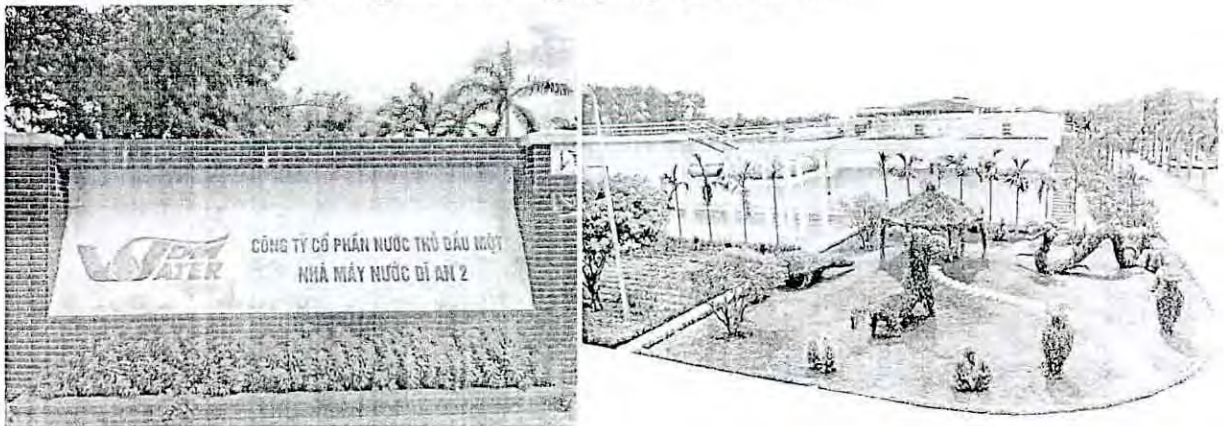
- Nam Thủ Dầu Một (NMN Dĩ An) nằm giữa Thành phố Thủ Dầu Một và Thành phố Hồ Chí Minh (chùm đô thị Nam Thủ Dầu Một), cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 25km về phía Bắc. Nhà máy hoạt động dưới hình thức thuê đơn vị vận hành - đội ngũ công nhân vận hành chủ yếu là vệ sinh công nghiệp và giám sát hệ thống SCADA. Đến ngày 09/3/2015 tiếp tục khởi công xây dựng Giai đoạn 2 với công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.  
Nhà máy Nước Dĩ An ra đời giải quyết tình trạng thiếu nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ của nhân dân khu vực dự án và sản xuất của các khu công nghiệp.
- Hiện nay công suất tiêu thụ tại Nhà máy Nước Dĩ An đạt 120.000m<sup>3</sup>/ngày. Kế hoạch trong năm 2019 Công ty tiếp tục xây dựng nâng công suất Nhà máy thêm 100.000m<sup>3</sup>/ngày. Tổng nhu cầu phát triển dự án Nhà máy nước Dĩ An trong tương lai dự kiến đạt khoảng 400.000m<sup>3</sup>/ngày.
- Tổng giá trị đầu tư Nhà máy Nước Dĩ An giai đoạn 1 và giai đoạn 2 là: 538.619.000.000 đồng.

#### Mục tiêu của Dự án

- Cải thiện điều kiện tiện nghi sinh hoạt hàng ngày của người dân.
- Thu hút kêu gọi đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng cho khu vực Dự án nói riêng và của tỉnh Bình Dương nói chung.
- Phát triển mạng lưới cấp nước ra các vùng ngoại thành tỉnh Bình Dương.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dùng nước của người dân trong khu vực dự án.
- **Công nghệ áp dụng:** Nhà máy nước Dĩ An áp dụng công nghệ bể lắng ngang, với hệ thống vận hành hoàn toàn tự động thông qua hệ thống SCADA nên số lượng công nhân trực tiếp vận hành tại Nhà máy rất ít.

#### Thị phần cung cấp

- Do đặc thù cung cấp si cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (BIWASE) qua đồng hồ tổng nên Công ty không phát triển mạng lưới phân phối đến các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và các hộ dân.



#### b. Nhà máy Nước Bàu Bàng (Dự án HTCN Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương) với tổng công suất 60.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm

- Nhà máy Nước Bàu Bàng được lấy nguồn nước từ kênh chính hồ Phước Hòa dẫn về nhà máy nước để xử lý thành nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và đô thị khu vực Bàu Bàng tỉnh Bình Dương theo chủ trương chấp thuận số



212/TLDTPH-QLN ngày 21/12/2015 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa.

- Nhà máy Nước Bàu Bàng được xây dựng nhằm cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp đang hình thành với diện tích khoảng 3.800ha và đô thị phía Bắc tỉnh Bình Dương với khoảng 23.000 hộ dân.
- **Quy mô của Dự án**  
Đường ống nước thô cho phù hợp với công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày. Tuyến ống được xây dựng với chiều dài từ trạm bơm cấp 1 về đến nhà máy xử lý nước sạch với đường kính ống D600mm dài 8400m. Xây dựng hồ chứa nước dự trữ có dung tích 360.000m<sup>3</sup>.  
Bể chứa nước sạch dung tích 7.000 m<sup>3</sup>
- Trạm bơm nước sạch công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày, nhưng chỉ lắp đặt thiết bị phục vụ công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày ở giai đoạn này.
- Nhà máy xử lý nước có công suất giai đoạn này Q = 15.000 m<sup>3</sup>/ngày. Một số hạng mục công trình khác sẽ xây dựng dự phòng để nâng công suất lên 30.000m<sup>3</sup>/ngày.
- Tháng 02/2017 đã đưa vào hoạt động giai đoạn 1 với công suất 15.000m<sup>3</sup>/ngày để phục vụ chủ yếu các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Bàu Bàng và các hộ dân vùng lân cận.
- Đến nay, sau khi hoàn thành đưa các hạng mục vào khai thác sử dụng Tổng mức đầu tư của Dự án là: 312.857.338.316 đồng.

#### **Công nghệ áp dụng:**

- Nhà máy Nước Bàu Bàng áp dụng công nghệ bể lắng ngang, với hệ thống vận hành hoàn toàn tự động thông qua hệ thống SCADA nên số lượng công nhân trực tiếp vận hành tại nhà máy rất ít.

#### **Thị phần cung cấp**

- Cũng như Nhà máy Nước Dĩ An, NMN Bàu Bàng cung cấp sỉ qua cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (BIWASE) qua đồng hồ nên Công ty không phát triển mạng lưới phân phối đến các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và các hộ dân.
- Nhà máy Nước Bàu Bàng ngoài sản xuất kinh doanh phân phối nước sạch qua đồng hồ tổng cho BIWASE, còn phân phối nước thô chưa qua xử lý cho BIWASE để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất giấy, dệt sợi.... trong khu công nghiệp.



#### **c. Sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn 2016 – 6 tháng đầu năm 2018**

**Bảng 3: Giá trị sản xuất và tiêu thụ nước sạch của Công ty**

*Đơn vị: m<sup>3</sup> năm*



STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/ Giảm	6 tháng đầu năm 2018
1	Sản lượng nước sản xuất	29.875.882	38.359.738	28,40	20.628.690
2	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	28.732.067	37.508.148	30,54	20.196.140

(Nguồn: TDM)

Các chỉ tiêu SXKD thực hiện năm 2017 đều vượt kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 24/4/2017. Sản lượng nước thương phẩm bình quân: 105.095m<sup>3</sup>/ngày tăng trưởng 28,4% so với năm 2016.

Năm 2018, Công ty tiếp tục kiện toàn lại bộ phận sản xuất, khai thác và sử dụng hết năng lực sản xuất hiện có nhằm tăng sản lượng sản xuất. Tiếp đó, Công ty sẽ hoàn thiện quy trình công nghệ để sản xuất nước luôn đạt tiêu chuẩn nước sạch theo quy định hiện hành (QCVN01:2009/BYT) và phát triển khách hàng mở rộng mạng lưới nhằm tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nước của Công ty.

#### Cơ cấu doanh thu

**Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính  
trong giai đoạn 2016 – 6 tháng đầu năm 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017			6 tháng đầu năm 2018	
		Doanh thu	(%)	Doanh thu	(%)	(%) +/-	Doanh thu	(%)
1	Cung cấp nước sạch	150.556	100	196.949	99,97	30,8	122.247	94,20
2	Nhuận bán vật tư	-	-	53	0,03	-	-	-
3	Chuyển nhượng BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	7.530	5,80
<b>Tổng cộng</b>		<b>150.556</b>	<b>100</b>	<b>197.002</b>	<b>100</b>	<b>30,8</b>	<b>129.777</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC SX 6 tháng đầu năm 2018)

Hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn toàn tập trung vào mảng sản xuất nước sạch. Cụ thể, Nhà máy Nước Dĩ An khai thác nước mặt tại sông Đồng Nai và thực hiện qua các công đoạn lắng rửa, khử trùng và và cung cấp cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Nhà máy Nước Bàu Bàng khai thác nước mặt tại kênh chính hồ Phước Hòa về nhà máy nước để xử lý thành nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp và đô thị khu vực Bàu Bàng tỉnh Bình Dương cho giai đoạn từ năm 2015 đến sau năm 2026. Tháng 02 năm 2017, Công ty đã đưa vào vận hành giai đoạn 1 với công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày



đem. Với việc tăng công suất thêm 30% nên doanh thu năm 2017 cũng đã tăng mạnh với mức tương đương so với năm 2016. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Doanh thu đã đạt 56.3% kế hoạch của cả năm. So với cùng kỳ năm trước, Doanh thu từ kinh doanh nước sạch trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng 28,7%. Như vậy, Công ty hoàn toàn có thể đạt được chỉ tiêu Doanh thu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản: Đây là khoản doanh thu từ việc chuyển nhượng một phần diện tích đất từ trạm bơm nước thô của Nhà máy Nước Bầu Bàng.

- Ban đầu sau khi quy hoạch tổng diện tích đất Trạm bơm nước thô thuộc dự án NMN Bầu Bàng Công ty có mua lại từ các hộ dân trong khu vực lân cận dự án nhằm dự phòng quỹ đất cho tương lai.
- Tuy nhiên qua quá trình thực hiện Công ty chỉ mua được phần diện tích 30.471,7m<sup>2</sup>. phần diện tích này lại không liền ranh với phần diện tích đất hiện hữu của Trạm bơm nước thô thuộc Dự án NMN Bầu Bàng.
- Qua đó, Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết chuyển nhượng lại phần đất không liền ranh nêu trên.

**Bảng 5: Lợi nhuận gộp Công ty năm 2016 – 6 tháng đầu năm 2018**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017			6 tháng đầu năm 2018	
		Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)	(%) +/-	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)
1	Cung cấp nước sạch	100.896	67,0	134.679	68,4	33,5	76.810	59,2
2	Nhượng bán vật tư	-	-	-	-	-	-	-
3	Chuyển nhượng BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	4.471	3,4
<b>Tổng cộng</b>		<b>100.896</b>	<b>67,0</b>	<b>134.679</b>	<b>68,4</b>	<b>33,5</b>	<b>42.059</b>	<b>62,6</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTCSX 6 tháng đầu năm 2018)*

Biên lợi nhuận của Công ty qua các năm luôn ở mức ổn định và tăng trưởng đều. Tính đến 6 tháng đầu năm 2018, biên lợi nhuận giảm nhẹ do Giá vốn nước sạch tăng nhanh so với cùng kỳ (35,6% so với tốc độ tăng trưởng Doanh thu là 28,7%). Cụ thể, các loại hóa chất phục vụ công tác xử lý nước đều tăng giá dẫn đến chi phí xử lý tăng nhanh, bên cạnh đó, chất lượng nước thô thấp cũng là nguyên nhân dẫn đến chi phí cho việc xử lý nước tăng cao hơn.



**Bảng 6: Cơ cấu doanh thu Công ty năm 2016 – 6 tháng đầu năm 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017			6 tháng đầu năm 2018	
		Doanh thu	(%)	Doanh thu	(%)	(%) +/-	Doanh thu	(%)
1	Doanh thu hoạt động SXKD	150.556	92,2	197.002	89,5	30,8	129.777	82,3
2	Doanh thu tài chính	12.815	7,8	22.430	10,2	75,0	27.526	17,5
3	Thu nhập khác	-	-	587	0,3	100,0	445	0,2
<b>Tổng doanh thu</b>		<b>163.371</b>	<b>100</b>	<b>220.019</b>	<b>100</b>	<b>34,7</b>	<b>157.748</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018)

Không chỉ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty có tốc độ tăng trưởng ổn định, doanh thu tài chính cũng tăng ấn tượng, thậm chí trong năm 2017 mảng doanh thu này còn tăng mạnh hơn cả doanh thu từ kinh doanh nước sạch. Trong cơ cấu Doanh thu tài chính, ngoài lãi từ tiền gửi ngân hàng, Công ty còn có thu nhập lớn từ cổ tức được chia từ các khoản đầu tư tài chính tại CTCP Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường và CTCP Nước – Môi trường Bình Dương (BWE). Việc tập trung tối đa nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính (bao gồm trực tiếp sản xuất và đầu tư vào các công ty cùng ngành) đã mang lại cho TDM mức lợi nhuận rất ấn tượng với tốc độ tăng trưởng bền vững. Với 6 tháng đầu năm 2018, Tổng Doanh thu đã gần bằng cả năm 2016 (96,6%) và bằng 71,7% của năm 2017.

## 5.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nước khai thác từ sông ngòi tự nhiên cụ thể:

- Nhà máy nước Dĩ An: lấy nước từ Sông Đồng Nai
- Nhà máy nước Bàu bàng: lấy nước từ kênh Phước Hòa

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu và động lực khác như điện, phèn, vôi, clor, flour và các vật liệu phụ để xử lý nước trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân cụ thể như (Nhà Máy hóa chất Biên Hòa thuộc Công ty CP Hóa chất cơ bản Miền Nam cung cấp hóa chất P.A.C và CLOR lông, Công Ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tám Thao cung cấp vôi). Đây là những nhà cung cấp lâu năm của Công ty rất uy tín, ổn định và cũng là đối tác cung cấp hóa chất cho nhiều Công ty cấp nước trong ngành.

Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác tự nhiên từ sông Đồng Nai (Nhà máy nước Dĩ An) và kênh chính hồ Phước Hòa (Nhà máy nước Bàu Bàng) nên nhìn chung nguồn nước thô là nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định. Tuy nhiên, nguồn nước đầu vào cũng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như: nồng độ các chất có trong nước, cũng như



### 5.6 Hoạt động Marketing

CTCP Nước Thủ Dầu Một là đơn vị kinh doanh bán sỉ nước qua đồng hồ cho khách hàng là Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do đó hoạt động marketing của Công ty hiện không có. Tuy nhiên, Công ty cũng đang xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cũng như các hoạt động marketing thông qua các hoạt động tài trợ, tham gia các hoạt động của ngành.

### 5.7 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: <http://tdmwater.vn>
- Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký nhân hiệu thương mại tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty:

- Công ty hiện chưa có hoạt động quảng bá thương hiệu. Tuy nhiên, trong thời gian tới Công ty sẽ chú trọng đến các hoạt động nhằm quảng bá thương hiệu tốt hơn

Đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền:

- Công ty hiện không có phát minh, sáng chế hay bản quyền.

### 5.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

**Bảng 8: Một số hợp đồng lớn cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho đối tác**

STT	Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Đối tác
1	Hợp đồng số 01/2016/HĐXDCB về việc thi công xây dựng nhà máy nước Bàu Bàng	46,936	01/2016	Từ 01/2016 đến 07/2016	Công ty TNHH Đại Phú Thịnh
2	Hợp đồng số 03/HĐKT/2016 về việc thi công tuyến ống nước D1800	7,314	03/2016	Từ 03/2016 đến 05/2016	Công ty TNHH XD Công Trình Hùng Vương
3	Hợp đồng số 02/2016/HĐXD về việc thi công trạm bơm nước sạch và nhà máy phát điện	14,163	02/2016	Từ 02/2016 đến 08/2016	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc
4	Hợp đồng số 07/2016/HĐKT về việc cung cấp hệ thống điện nhà máy xử lý nước Bàu Bàng	8,947	07/2016	Từ 07/2016 đến 10/2016	Xí nghiệp Cấp nước Khu Liên Hợp



STT	Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời điểm kết	Thời gian thực hiện	Đối tác
5	Hợp đồng số 10/2016/HĐKT về việc Cung cấp hệ thống điện Trạm bơm nước thô NMN Bàu bàng	4,207	10/2016	Từ 10/2016 đến 1/2017	Xi nghiệp Cấp nước Khu Liên Hợp
6	Hợp đồng số 02/HĐKT/2016 về việc Di dời đường dây 110kv - Trạm bơm nước thô NMN Bàu Bàng	6,261	02/2016	Từ 02/2016 đến 05/2016	CTCP Xây lắp điện miền Nam
7	Hợp đồng số 06/2016/HĐKT về việc xây lắp đường dây trung hạ thế và TBA III- 630KVA	1,430	06/2016	Từ 06/2016 đến 09/2016	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Viễn Đông
8	Hợp đồng số 05/2016/HĐTV-TK về việc tư vấn thiết kế đường dây trung hạ thế và TBA III-630KVA	0,039	04/2016	Từ 04/2016 đến 05/2016	Công ty TNHH Tư vấn & Xây lắp Hệ thống Điện.
9	Hợp đồng số 09/HĐKT/2016 về việc xây dựng trạm bơm nước thô nhà máy nước Bàu Bàng	26,999	09/2016	Từ 09/2016 đến 11/2016	CTCP Xây dựng số 5
10	Hợp đồng số 32- 2016/HĐXLSB.E về việc Xây lắp đường dây 22Kv và trạm biến áp III- 800KVA trạm bơm nước thô NMN Bàu Bàng	2,824	02/2016	Từ 02/2016 đến 05/2016	Công ty Xây lắp Điện Sông Bè Electric
11	Hợp đồng số 58/HĐGS- ĐLBĐ về việc giám sát thi công đường dây trung thế TBAIII-630KVA	0,042	8/2016	Từ 08/2016 đến 09/2016	Điện lực Bàu Bàng
12	Hợp đồng số 32- 16/HĐKT/PDV/THUDA về việc cung cấp thiết bị (hệ thống hoá chất) NMN Bàu Bàng	0,829	02/2016	Từ 02/2016 đến 04/2016	Công ty TNHH Một thành viên Prominent Dosiertechnik
13	Hợp đồng số 01A/2016/HĐKT về việc xây dựng Nhà điều hành	0,933	01/2016	Từ 01/2016 đến 6/2016	Xi nghiệp Xử lý Chất Thải





STT	Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Đối tác
	tạm và hàng rào Nhà máy xử lý - NMN Bàu Bàng				
14	Hồ dự trữ - trạm bơm, hồ dự trữ tường chắn - đường nội bộ, nhà xử lý - nhà điều hành, Nhà máy xử lý nước - Đường nội bộ xung quanh nhà điều hành, Hồ dự trữ - Hàng rào.	12,261	11/2016	Từ 11/2016 đến 5/2017	Công ty TNHH Thuận Phúc Thịnh
15	Hợp đồng thi công kênh dẫn nước thô NMN Bàu Bàng	20,138	12/2016	Từ 12/2016 đến 5/2017	Công ty TNHH Đại Phú Thịnh
16	Hợp đồng dịch vụ mua nước thô	3.871	12/2017	12/2018	Cty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa.
17	Hợp đồng kinh tế - V/v Lắp đặt bơm + dây cáp nguồn điện NMN Dĩ An 2	3,298	4/2018	12/2018	XN Xây lắp – Công nghệ Cơ điện Biwase
18	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	7,530	12/2017	6/2018	Đào Dương Thanh Huệ
19	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	5,000	6/2018	12/2018	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Bình Dương
20	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	5,000	6/2018	12/2018	Ngân hàng Nam A CN Bình Dương

(Nguồn: TĐM)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2016 – 6 tháng đầu năm 2018

6.1 Kết quả hoạt động SXKD trong giai đoạn 2016 – 6 tháng đầu năm 2018

**Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	(%) +/-	6 tháng đầu năm 2018
Tổng tài sản	1.445.040	2.071.760	43,35	1.733.783
Vốn chủ sở hữu	403.836	744.509	84,29	1.049.902
Doanh thu thuần	150.556	197.002	30,85	129.777



Lợi nhuận gộp	100.896	134.680	33,48	81.281
Doanh thu tài chính	12.815	22.430	75,03	27.526
Chi phí tài chính	51.566	75.795	46,99	44.729
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	58.139	75.347	29,09	60.287
Lợi nhuận trước thuế	57.774	75.894	30,85	60.732
Lợi nhuận sau thuế	57.774	75.894	30,85	57.622
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	60,20	68,56	8,46	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)	16,31	13,22	-	6,42

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018)

Tại 31/12/2026, Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn. Vấn đề này đã được xử lý thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp của 1 số chủ nợ. Một số khoản vay ngắn hạn được cơ cấu lại thành khoản vay dài hạn khi đáo hạn.

Giai đoạn 2017 - 2018, Công ty đã tăng vốn điều lệ nên Vốn chủ sở hữu của TDM tăng khá mạnh. Do đó tỷ lệ LNST/VCSH bình quân trong giai đoạn này giảm. Tuy nhiên, lượng vốn mới đã được hấp thụ rất tốt và tất cả các chỉ tiêu Doanh thu đều tăng mạnh. Trong 6 tháng năm 2018, Tổng tài sản giảm so với năm 2017. Cụ thể: khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 302,5 tỷ do thanh toán công nợ cho các nhà thầu thi công Dự án NMN Bàu Bàng, trả nợ vay ngân hàng. Các khoản phải thu khác giảm 48,5 tỷ chủ yếu là do Công ty thực hiện chuyển nhượng lại giá trị cổ phiếu DNW về cho các bên ủy thác gồm Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương và CTCP TM XNK Hiệp Thành Phú.

## 6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### ❖ Thuận lợi

Trong năm 2017, Việt Nam tiếp tục đảm bảo các cân đối vĩ mô, lạm phát thấp, dự trữ ngoại tệ cao nhất và xuất siêu trở lại. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,81%, cao nhất trong 10 năm qua. Các chính sách và thủ tục về thuế có nhiều đổi mới tích cực, báo cáo môi trường kinh doanh năm 2017 do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho thấy xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2016 tăng tới 14 bậc, từ 82 lên 68 trong tổng số 190 nước và vùng lãnh thổ được xếp hạng. Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác tự nhiên từ sông Đồng Nai nên nhìn chung nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định. Đội ngũ lãnh đạo của TDM có rất nhiều kinh nghiệm kinh doanh trong ngành cung cấp nước. Công ty có hợp đồng cung cấp nước sạch qua đồng hồ tổng cho khách hàng duy nhất là Biwase nên đầu ra và giá bán khá ổn định.

### ❖ Khó khăn

Trong năm 2017, Việt Nam tiếp tục chịu nhiều tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu, mùa khô kéo dài, nhiều đợt nắng nóng và thiên tai lớn, nguồn nước sông bị nhiễm mặn, do đó có thể ảnh hưởng đến nguồn nước thô do Công ty khai thác để sản xuất nước sạch cung cấp



cho khách hàng.

Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Một số nhà máy sản xuất đơn lẻ chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như: phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt hoạt động khai thác cát sạn trái phép trên sông, nhất là trong khu vực bảo vệ nguồn nước của Công ty đang khai thác có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại là 0,1%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện nhanh chóng, còn đối với các điểm rò rỉ ngầm dưới lòng đất khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước thất thoát. Hơn nữa, nếu Công ty không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, chúng sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước thất thoát càng tăng lên, ảnh hưởng đến khối lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng.

Với đặc thù Công ty cung cấp nước qua đồng hồ tổng tại chân tường rào nhà máy, vị trí đường ống từ bể chứa nước sạch đến đồng hồ là 5m. nên tỷ lệ thất thoát nước là không đáng kể.

## **7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **7.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Là công ty mới thành lập cuối năm 2013 với vốn điều lệ ban đầu là 200 tỷ đồng. Tuy nhiên với việc tổ chức thi công nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một (Nhà máy nước Dĩ An) công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (giai đoạn 1) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng chỉ trong vòng 9 tháng kể từ lúc thi công thì bước đầu đã tạo được uy tín trong ngành. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã nhanh chóng triển khai thi công và đưa vào sử dụng giai đoạn 2 nhà máy nước Dĩ An với công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, nâng tổng công suất nhà máy nước Dĩ An lên khoảng 90.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm; đến nay, nhà máy nước Dĩ An đã hoạt động hết công suất. Trong năm 2019 Công ty tiếp tục xây dựng thêm nhà máy 100.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm nâng tổng công suất nhà máy nước Dĩ An 190.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

Trong thời gian ngắn Công ty đã triển khai thi công và đưa vào sử dụng 2 công trình lớn với tổng công suất 90.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; việc này đã giúp Công ty tạo được tiếng vang cũng như uy tín trong ngành cấp nước của các tỉnh.

Đầu năm 2016 Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tiềm năng phát triển công nghiệp tại Khu công nghiệp Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương nên đã quyết định đầu tư dự án Hệ thống cấp nước Khu vực Bàu Bàng giai đoạn 1 công suất 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, gồm các hạng mục xây dựng trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô và nhà máy xử lý và được Tổng công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC chấp thuận chủ trương tại công văn số: 584/CV-2015 ngày 29/10/2015, UBND chấp thuận chủ trương tại văn bản số



4227/UBND-KTN ngày 27/11/2015. Trong năm 2017, nhà máy Bàu Bàng đã đưa vào vận hành khiến sản lượng nước sản xuất tăng đáng kể, càng tạo thêm uy tín của công ty trong ngành.

**Bảng 10: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2017 của các công ty trong ngành**

Chỉ tiêu	CTCP Cấp thoát nước Bình Định (UPCoM-BDW)	CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (HOSE-VSI)	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (UPCoM-CTW)	CTCP Nước Thủ Đầu Môi (UPCoM-TDM)
Tổng tài sản	384.399	575.203	742.335	2.071.760
Vốn chủ sở hữu	148.225	223.959	386.969	741.509
Vốn điều lệ	124.108	132.000	280.000	820.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.144	348.893	226.482	197.002
Doanh thu tài chính	1.078	1.990	841	22.430
Lợi nhuận khác	623	(1.088)	2.557	548
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.450	33.436	49.972	75.894
Lợi nhuận sau thuế	6.727	31.009	40.635	75.894
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (%)	4,64	13,85	10,50	10,20

(Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của các công ty)

## 7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Nam, một trong những địa phương năng động trong kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài; vì vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có hệ thống cấp nước, là cấp thiết và phải được đặt lên hàng đầu. Hiện nay, tỉnh có khoảng 28 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung với tổng diện tích hơn 8.700 ha cùng hơn 1.200 doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động. Nhu cầu sử dụng nước sạch cho dân dụng và công nghiệp nhờ đó cũng gia tăng ngày càng cao.

Bình Dương với mục tiêu phát triển kinh tế Xã hội giai đoạn 2016 - 2020: nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng quy mô nền kinh tế đảm bảo phát triển bền vững và tăng trưởng hợp lý. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển dịch vụ - công nghiệp gắn với quá trình đô thị hóa, đầu tư phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của người dân. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Bình Dương trở thành đô thị văn minh, giàu đẹp, là đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020.



- Luân chuyển nhân viên trong nội bộ hoặc cử đến các Công ty bạn để đào tạo trong công việc.

Ngoài ra, Công ty khuyến khích nhân viên chủ động đề xuất với phòng Nhân sự - Quản trị và cấp quản lý để được chuyển sang làm công việc và/hoặc bộ phận khác nếu thấy thích thú hoặc phù hợp hơn với công việc/bộ phận đó.

## 9. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm. Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm nhưng sẽ không vượt quá mức HĐQT đề nghị. Ngoài ra, HĐQT có thể tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được hoặc chi trả phần cổ tức đó bằng tài sản cụ thể vào thời điểm phù hợp do HĐQT quyết định. Trường hợp không chi trả cổ tức thì lợi nhuận phải được phân bổ hợp lý và lợi nhuận giữ lại và các khoản dự trữ. HĐQT sẽ cân nhắc trong việc công bố kế hoạch cổ tức, và kế hoạch này có thể có hoặc có thể không phụ thuộc vào tỷ lệ cổ tức đã phân phối trong những năm trước.

Cổ tức có thể được trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu hoặc bằng các tài sản nếu có sự đồng ý của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì cổ tức được trả bằng đồng Việt Nam. Tỷ lệ cổ tức được chi trả trong các năm qua như sau:

**Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất**

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Phương thức chia cổ tức
2016	10%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2017	8%	Chia cổ tức bằng tiền mặt, cổ phiếu
2018	Dự kiến 9%	Chia cổ tức bằng tiền mặt

(Nguồn: TDM)

## 10. Tình hình tài chính của Công ty

### 10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. BCTC của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

#### ❖ Trích khấu hao tài sản cố định

TSCĐ hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 09/06/2013, Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao của các thiết bị theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và từ ngày 10/06/2013 trở đi áp dụng theo Thông Tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài



chính và từ ngày 10/06/2013 trở đi áp dụng theo TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của BTC theo phương pháp đường thẳng.

- Nhà xưởng, vật kiến trúc	:	07 -25 năm
- Máy móc, thiết bị	:	06 -08 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	:	06 -30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	03 -08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	:	05 -13 năm
- Quyền sử dụng đất	:	20- 50 năm
- Phần mềm quản lý	:	03 năm

(Nguồn: BCTC KT năm 2017, BCTC SX 6 tháng 2018)

Trên BCTC SX 6 tháng 2018 ghi nhận thời gian khấu hao của TSHH khác (05 - 13 năm) Quyền sử dụng đất (20 – 50 năm). Có sự khác biệt trên là do: với TSHH khác tại thời điểm năm 2017 có 3 danh mục áp dụng thời gian khấu hao là 5 năm, tuy nhiên đến thời điểm soát xét ngày 30/6/2018 có phát sinh 1 danh mục với thời gian khấu hao là 13 năm. Quyền sử dụng đất được Công ty trích khấu hao theo thời gian sử dụng trên GCN quyền sử dụng đất và phù hợp với quy định tại TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 từ 20 – 50 năm. Tuy nhiên, do lỗi đánh máy nên trên BCTC năm 2017, Công ty đang ghi là 20 năm. Công ty cam kết đã thực hiện áp dụng nhất quán chính sách khấu hao giữa các năm và theo đúng quy định tại TT 45/2013/TT-BTC.

❖ **Mức lương bình quân**

**Bảng 13: Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	17,0	14,0

(Nguồn: TDM)

**Bảng 14: Mức lương bình quân của một số công ty trong ngành**

Đơn vị: Triệu đồng

Công ty	Năm 2016	Năm 2017
CTCP Cấp thoát nước Bình Định	6,6	7,3
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	10,5	11,5
CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	11,7	12

(Nguồn: Tổng hợp Báo cáo thường niên năm 2017 của các công ty)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ báo cáo kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Đến thời điểm hiện tại các khoản nợ đến hạn được Công ty thanh toán đúng hạn, đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

**Bảng 15: Các khoản phải nộp theo luật định**



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.013
3	Thuế thu nhập cá nhân	38	40	66
4	Thuế tài nguyên	68	84	76
5	Các khoản phí, lệ phí	350	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>456</b>	<b>124</b>	<b>2.155</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ Công ty và theo của pháp luật.

❖ **Tổng dư nợ vay**

**Bảng 16: Các khoản nợ vay của Công ty**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
<b>I</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>555.403</b>	<b>374.256</b>	<b>150.246</b>
1	Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương	102.361	-	-
2	Ngân hàng BIDV Chi nhánh Bình Dương	105.000	149.097	11.007
3	Mượn vốn ngắn hạn cổ đông - khác	235.173	85.430	-
4	Nợ dài hạn đến hạn trả	112.869	139.728	139.239
<b>II</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>407.065</b>	<b>495.536</b>	<b>476.644</b>
1	Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (i)	102.480	137.301	88.733
2	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (ii)	266.954	217.263	135.704
3	Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương (iii)	150.500	280.700	203.100
4	Vay dài hạn các cổ đông (iv)	-	-	49.107
	<i>Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>(112.869)</i>	<i>(139.728)</i>	<i>(139.239)</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>962.468</b>	<b>869.792</b>	<b>626.890</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018)



- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện đầu tư mua cổ phiếu CTCP Cấp nước Đồng Nai; Đầu tư tuyến ống nước thô D1400mm. Các khoản vay được đảm bảo bằng 9.350.000 cổ phiếu CTCP Cấp nước Đồng Nai theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 15280197/HĐCC ngày 15/9/2015 và 5.250.000 cổ phiếu CTCP Nước - Môi trường Bình Dương theo Hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 170527/HĐCC ngày 28/12/2017.
- (ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành bằng vốn vay, quyền thu tiền nước, quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất.
- (iii) Các khoản vay tại Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương để thực hiện Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng công suất 45.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị Nhà máy nước Bàu Bàng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, quyền thu tiền nước và 200.000 cổ phần góp vốn của Công ty tại CTCP Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường.
- (iv) Các khoản vay không có tài sản đảm bảo từ các cổ đông của Công ty; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thực hiện các phương án sản xuất, kinh doanh.
- ❖ Các khoản vay đối với các bên liên quan  
Để giải quyết nhu cầu thiếu hụt vốn đầu tư dự án Hội đồng Quản trị quyết định tạm mượn vốn của các Cổ đông lớn với lãi suất theo từng thời kỳ nhất định bằng các hợp đồng vay, khi công ty tăng vốn điều lệ sẽ hoàn trả gốc và lãi cho các cổ đông.

**Bảng 17: Chi tiết các khoản vay với các bên liên quan**



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Mối quan hệ	L/suất 2016 %/năm	31/12/2016		L/suất 2017 %/năm	31/12/2017		L/suất 2018 %/năm	30/06/2018	
				Gốc	Lãi		Gốc	Lãi		Gốc	Lãi
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	7,5	22.920	505		-	-		-	-
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	7,5	105.000	3.194	0,9	20.000	11.638	5,3	7.500	200
3	Công ty TNHH Thương mại N.T.P	Cổ đông lớn	7,5	48.000	364	0,9	2.430	3.358		-	-
4	Ông Trần Thế Hưng	TGD		-	-		-	-	5,3	12.357	-
5	Ông Nguyễn Thanh Phong	TV HĐQT		-	-		-	-	5,3	9.000	-
6	Bà Nguyễn Thị Diên	TV HĐQT		-	-		-	-	5,3	3.390	-
7	Bà Nguyễn Thị Mộng Thương	TV BKS		-	-		-	-	5,3	3.000	-



❖ Các khoản phải thu

**Bảng 18: Chi tiết các khoản phải thu**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>113.913</b>	<b>93.661</b>	<b>49.877</b>
1	Phải thu khách hàng ngắn hạn (i)	5.466	6.294	24.766
2	Trả trước cho người bán	31.226	16.726	3.003
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.000	-	-
4	Các khoản phải thu khác	76.221	70.640	22.108
4.1	<i>Phải thu về tạm ứng</i>	<i>10.287</i>	<i>9.536</i>	<i>9.906</i>
4.2	<i>Phải thu BQL Dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - Biwase (ii)</i>	<i>4.683</i>	<i>4.683</i>	<i>-</i>
4.3	<i>Phải thu về nhận mua hộ cổ phiếu (iii)</i>	<i>61.048</i>	<i>55.950</i>	<i>10.500</i>
4.4	<i>Phải thu về lãi cho vay</i>	<i>183</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4.5	<i>Phải thu khác</i>	<i>19</i>	<i>471</i>	<i>1.641</i>
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>113.913</b>	<b>93.660</b>	<b>49.877</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018)

(i) Khoản phải thu ngắn hạn khác tăng hơn so với thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017 là do: Doanh thu tiền nước của tháng này qua tháng sau mới được thanh toán riêng thời điểm vào thời điểm 31/12 thì doanh thu tiền nước được khách hàng thanh toán trong kỳ.

(ii) Đây là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Ban quản lý dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một ("Ban ADB") – CTCP Nước – Môi trường Bình Dương để thanh toán các chi phí tư vấn xây dựng nhà máy nước Nam Thủ Dầu 1 giai đoạn 1. Bản chất là do ban đầu dự án Nhà máy nước Nam Thủ Dầu 1 là một dự án do Ban ADB chịu trách nhiệm xây dựng và quản lý, sau này được bàn giao chuyển cho Công ty quản lý. Tuy nhiên các hợp đồng tư vấn trước đó đều ký kết với Ban ADB và nhà cung cấp cũng xuất hóa đơn cho Ban ADB. Vì vậy Công ty chưa có đủ hồ sơ làm cơ sở để quyết toán các khoản chi phí này. Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để có biện pháp giải quyết đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Tính đến 30/06/2018, Công ty đã tất toán khoản phải thu này.

(iii) Trong đó bao gồm giá gốc của cổ phiếu DNW do Công ty đã mua và đứng tên các Hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác. Cụ thể, Công ty nhận tiền từ các bên ủy thác để mua cổ





phiếu DNW với giá 15.000 VND/cổ phiếu. Số tiền các bên ủy thác đã chuyển cho TDM được trình bày chi tiết trong thuyết minh báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Công ty không hưởng bất kỳ quyền lợi nào từ số lượng cổ phần được ủy thác. Tính đến thời điểm 30/06/2018 Công ty đã hoàn trả số lượng cổ phiếu cho bên ủy thác (cụ thể: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương: 2.700.000 cổ phần; CTCP TM XNK Hiệp Thành Phú: 330.000 cổ phần) còn lại CT TNHH SX và TM Quỳnh Phúc: 700.000 cổ phần. Công ty sẽ tiến hành thủ tục hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc. Trong năm 2015, Công ty có ủy quyền cho bà Dương Anh Thư đứng tên 200.000 cổ phiếu của CTCP Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường. Đến năm 2017, Bà Thư đã thực hiện chuyển sở hữu sang tên Công ty theo đúng quy định của pháp luật và không có tranh chấp gì của 2 bên

STT	Khoản mục	31/12/2017	30/06/2018
1.	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 14/2016/HĐKT ngày 11/10/2016 với CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	2.700.000	-
2.	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2016/HĐKT ngày 11/10/2016 với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	700.000	700.000
3.	Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15/2016/HĐKT ngày 11/10/2016 với CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Hiệp Thành Phú	330.000	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.730.00</b>	<b>700.000</b>

❖ **Các khoản phải trả**

Công ty không có nợ phải trả quá hạn và các khoản phải trả, phải nộp Nhà nước quá hạn.

**Bảng 19: Chi tiết các khoản phải trả**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
<b>I</b>	<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>	<b>634.138</b>	<b>831.714</b>	<b>207.237</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	15.196	13.719	24.875
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	457	123	2.155
3	Phải trả người lao động	-	101	-
4	Chi phí phải trả	6.914	23.422	1.417
5	Vay và nợ thuê tài chính	555.403	374.256	150.246
6	Phải trả ngắn hạn khác	50.430	412.805	15.880



7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.738	7.288	12.663
<b>II</b>	<b>Các khoản phải trả dài hạn</b>	<b>407.064</b>	<b>495.536</b>	<b>476.644</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính	407.065	495.536	476.644
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.041.203</b>	<b>1.327.251</b>	<b>683.881</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018)

## 10.2 Giao dịch với những người có liên quan

Đơn vị: Triệu đồng

Giao dịch phát sinh	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng đầu năm 2018
<b>Doanh thu cung cấp nước</b>				
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	150.556	196.950	122.247
<b>Mua hàng hóa – dịch vụ</b>				
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	7.536	28.467	14.313
<b>Thu lãi cho vay</b>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	-	183	1.231
<b>Trả lãi vay</b>				
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	-	-	587
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	3.194	-	11.938
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	Cổ đông lớn	859	-	3.376
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	505	1.525	-
Ông Trần Thế Hưng				165
Ông Nguyễn Thanh Phong				120
Bà Nguyễn Thị Diên				45
Bà Nguyễn Thị Mộng Thường				40
<b>Thu tiền góp vốn</b>				



Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	10.080	53.140	
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	Cổ đông lớn	10.000	53.070	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	5.000	119.190	
<b>Trả cổ tức</b>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	4.500	6.108	9.138
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	Cổ đông lớn	4.500	6.100	9.138
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	6.600	13.700	20.495
<b>Cổ tức được nhận</b>				
CTCP Tư vấn – Cấp thoát nước – Môi trường	Công ty liên kết	7.800	13.505	-
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương				25.988

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

<b>Giao dịch phát sinh</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>30/06/2018</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>				
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	5.466	6.240	24.692
<b>Phải thu về cho vay</b>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	1.000	-	-
<b>Phải thu khác</b>			<b>55.163</b>	<b>10.500</b>
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết		40.500	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc			9.980	10.500
BQL Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Cổ đông lớn	4.683	4.683	-
<b>Trả trước cho người bán</b>				
CTCP Tư vấn – Cấp thoát nước – Môi trường		20.506	-	-



Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	Công ty liên kết	245	3.245	2.014
<b>Phải trả cho người bán</b>				
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Cổ đông lớn	2.115	7.632	2.408
CTCP Tư vấn – Cấp thoát nước – Môi trường	Cổ đông lớn	89	89	2.480
<b>Phải trả về ủy thác mua cổ phiếu</b>				
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương		40.500	40.500	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc		-	9.980	10.500
<b>Mượn vốn cổ đông không lãi suất</b>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	-	3.750	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	-	7.500	-
Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc	-	12.207	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018)

### 10.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	6 tháng 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,21	0,51	0,45
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,20	0,51	0,44
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,64	0,39
- Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,58	1,78	0,65



<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho <i>GVHB/Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	1,76	29,45	48,16
- Vòng quay tổng tài sản (DTT/Tổng tài sản bình quân)	Lần	0,13	0,11	0,07
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	38,37	38,52	0,44
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	16,31	13,22	0,05
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,01	4,32	0,03
- Tỷ suất Lợi nhuận hoạt động SXXD/DTT	%	38,62	38,25	0,46

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017)

#### **Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

Trong năm 2017, khả năng thanh toán của Công ty đã được cải thiện đáng kể so với năm 2016. Sự gia tăng mạnh các khoản phải trả ngắn hạn trong năm 2017 còn bao gồm các khoản đã nhận của nhà đầu tư theo chương trình phát hành tăng vốn cũng như tiền đặt cọc từ việc chuyển nhượng cổ phiếu do đó không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thanh toán của Công ty.

#### **Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Tổng vốn chủ sở hữu giảm trong năm 2017 do công ty đã phát hành tăng vốn nhằm bổ sung nguồn vốn từ vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, gia tăng nợ phải trả chủ yếu đến từ sự gia tăng số dư nợ ngắn hạn với mục đích để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời và bổ sung vốn cho dự án Nhà máy nước Bàu Bàng.

#### **Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Từ năm 2016 đến năm 2017, các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty không có nhiều thay đổi lớn ngoại trừ sự tăng mạnh trong vòng quay hàng tồn kho do về mặt bản chất Công ty chủ yếu kinh doanh nước nên Công ty không có nhiều hàng tồn kho.

#### **Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty**

Trong năm 2017, việc đưa Nhà máy nước Bàu Bàng đi vào hoạt động đã nâng tổng sản lượng sản xuất nước của Công ty lên đáng kể đáp ứng kịp thời nhu cầu gia tăng về nước sinh hoạt và sản xuất tại địa phương. Do đó, doanh thu cung cấp nước của Công ty tăng trưởng mạnh. Cùng với đó là sự hiệu quả trong quản lý chi phí của Công ty. Do đó, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng



31,3%. Các chỉ số về khả năng sinh lợi của công ty được cải thiện đáng kể cho thấy tiềm năng lớn trong việc cải thiện lợi nhuận trong các năm sắp tới. Do Công ty mới phát hành tăng vốn nên chỉ số LNST/VCSH có giảm nhẹ.

## 11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

### 11.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT
3	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên HĐQT
5	Ông Lý Thế Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập

#### ❖ Ông Nguyễn Văn Trí – Chủ tịch HĐQT

Họ tên	NGUYỄN VĂN TRÍ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/10/1973
Nơi sinh	Quảng Nam
CMND	280961641 cấp ngày 09/11/2010
Điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	59/49 Khu 5, Phường Định Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc Thành viên HĐQT CTCP Tái chế Vật liệu xanh



Thành viên HĐQT CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Quá trình công tác

- Từ 2006 – nay Giám đốc công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc
- 11/2013 – nay Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
- 10/2014 – nay Thành viên HĐQT CTCP Tái chế Vật liệu xanh
- 09/2016 – nay Thành viên HĐQT CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 12.572.727 cổ phần, tương đương 15,49 % vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 500.000 cổ phần, tương đương 0,62% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu 12.072.727 cổ phần, tương đương 14,87% vốn điều lệ (Đại diện công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc: 25.619.000 cổ phần, tương đương 31,55% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Tái chế Vật liệu xanh: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao TV HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Nguyễn Thanh Phong – Thành Viên HĐQT

Họ tên NGUYỄN THANH PHONG

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 16/03/1972



Nơi sinh	An Giang
CMND	024302473 cấp ngày 21/12/2010
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	278 Tô Hiến Thành, P15, Q10, Tp.Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Đại học Hàng hải
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại N.T.P Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Trung An Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ 1999 – nay	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại N.T.P
▪ 11/2013 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
▪ 06/2017 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Chợ Lớn
▪ Từ 2014 - nay	Thành viên HĐQT CTCPCấp nước Cần Thơ 2
▪ 04/2017 - nay	Thành viên HĐQT CTCPCấp nước Trung An
▪ Từ T9/2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	9.007.000 cổ phần, tương đương 11,09% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	600.000 cổ phần, tương đương 0,74% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	8.407.000 cổ phần, tương đương 10,35% vốn điều lệ (Đại diện Công ty TNHH Thương mại N.T.P)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Công ty TNHH Thương mại N.T.P 8.407.000 cổ phần, tương đương 10,35% vốn điều lệ



Các khoản nợ đối với Công ty Không  
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao TV HĐQT  
Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Ông Võ Văn Bình – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ tên	<b>VÕ VĂN BÌNH</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/11/1967
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	075067000158 cấp ngày 18/06/2018
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	102/16H/7T8 Âu Dương Lân, P3, Q8, TPHCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Công nghệ Quốc tế Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu Chủ tịch Công ty TNHH Bình Minh Sáng Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Châu Đức Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai

**Quá trình công tác**

- 11/2013 – nay Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
- 2012 – nay Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Công nghệ Quốc tế
- 2014 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ - Kỹ thuật D&B
- Từ T01/2008 - nay Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng



	Tàu
▪ Từ T7/2010 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH Bình Minh Sáng
▪ Từ T12/2012 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Châu Đức
▪ Từ T01/2014 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng
▪ T01/2015 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai
▪ 1997 – 2012	Giám đốc Công ty Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.500.000 cổ phần, tương đương 5,54% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	4.500.000 cổ phần, tương đương 5,54% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**❖ Ông Lý Thế Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ tên	<b>LÝ THẾ ANH TUẤN</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/06/1967
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280447029
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	KP An Hoà, phường Hoà Lợi, Bến Cát, Bình Dương



Trình độ chuyên môn	Không có
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Quản lý CTCP Tân Thanh
Quá trình công tác	
▪ 2012 – nay	Quản lý tại Công ty CP Tân Thanh
▪ 7/11/2013 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**❖ Bà Nguyễn Thị Diên – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ tên	<b>NGUYỄN THỊ DIÊN</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/08/1965
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280350663 Ngày cấp: 26/07/2018
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam



Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 62, Hoàng Hoa Thám, Hiệp Thành Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ 2010 – nay	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương (nay là CTCP Nước - Môi trường Bình Dương)
▪ 2005 – 2010	Làm việc tại Ban Quản lý dự án – Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước - Môi trường Bình Dương
▪ 1990 – 2005	Làm việc tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát Nước - Môi trường Bình Dương
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	1.226.000 cổ phần, tương đương 1,51% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	1.226.000 cổ phần, tương đương 1,51% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Chồng: Dương Hoàng Sơn: 466.525 cổ phần, tương đương 0,57% vốn điều lệ Em ruột: Nguyễn Văn Sáu: 63.750 cổ phần, tương đương 0,08% vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

### 11.2 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc



2	Bà Tăng Tô Vân	Kế toán trưởng
---	----------------	----------------

❖ **Ông Trần Thế Hưng – Tổng Giám đốc**

Họ tên	<b>TRẦN THẾ HƯNG</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/09/1977
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280629047 cấp ngày 08/05/2015
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	29/15, Tổ 9, khu 12, Phường Chánh Nghĩa, Tp.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
▪ 11/2013 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
▪ 07/2002 – 11/2013	Công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	1.546.725 cổ phần, tương đương 1,90% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	1.546.725 cổ phần, tương đương 1,90% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có



Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Bà Tăng Tố Vân – Kế toán trưởng:**

Họ tên	TĂNG TỐ VÂN
Giới tính	NỮ
Ngày tháng năm sinh	18/8/1972
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280522101 cấp ngày 18/9/2014
Số điện thoại	(84-274) 384 2277
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Địa chỉ thường trú	Ô 22D2, Đường số 3, giai đoạn 2, KDC Hiệp Thành 1, phường Hiệp Thành, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - Ngành tài chính kế toán các doanh nghiệp
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Từ T02/2017 đến nay Kế toán trưởng - Công tác tại Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một</li><li>▪ Từ 1999 đến T02/2017 Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương).</li><li>▪ 1994 – 1998 Kế toán tại NH TMCP Việt Hoa – Chi nhánh Sông Bé</li></ul>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm	40.000 cổ phần, tương đương 0,0049% vốn điều lệ



giữ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 40.000 cổ phần, tương đương 0,0049% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không có

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

### 11.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Mộng Thường	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Ái Nhân	Thành viên

#### ❖ Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh – Trưởng Ban kiểm soát

Họ tên NGUYỄN THỊ NGỌC THANH  
Giới tính Nữ  
Ngày tháng năm sinh 08/07/1986  
Nơi sinh Bình Dương  
CMND 280887623  
Số điện thoại (84-274) 384 2255  
Quốc tịch Việt Nam  
Dân tộc Kinh  
Địa chỉ thường trú 72/3 Kp1, P.Tân Định, Bến Cát, Bình Dương  
Trình độ chuyên môn Quản trị tài chính  
Chức vụ hiện nay tại Công ty Trưởng BKS



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Công tác tại CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Quá trình công tác

- 11/2015 – nay Công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương (nay là CTCP Nước - Môi trường Bình Dương)
- 01/2015 – 11/2015 Làm việc tại NHTMCP Đại Chúng Việt Nam
- 2014 – 01/2015 Làm việc tại CTCP Tân Thanh

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan

Cha: Nguyễn Văn Thiên: 1.356.949 cổ phần, tương đương 1,67% vốn điều lệ  
Mẹ: Đặng Thị Mươi: 400.000 cổ phần, tương đương 0,49% vốn điều lệ  
Chồng: Nguyễn Thành Đông: 800 cổ phần, tương đương 0,001% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao TV BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Bà Nguyễn Thị Mộng Thường - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ tên **NGUYỄN THỊ MỘNG THƯỜNG**  
Giới tính Nữ  
Ngày tháng năm sinh 27/7/1985  
Nơi sinh Bình Dương  
CMND 280843806 cấp ngày 20/10/2010





Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	73/28 Huỳnh Văn Lũy, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ 2006 – nay	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước - Môi trường Bình Dương (nay là CTCP Nước - Môi trường Bình Dương)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	200.000 cổ phần, tương đương 0,25% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	200.000 cổ phần, tương đương 0,25% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
<b>❖ Bà Nguyễn Thị Ái Nhân - Thành viên Ban kiểm soát</b>	
Họ tên	<b>NGUYỄN THỊ ÁI NHÂN</b>
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	03/09/1990
Nơi sinh	Bình Dương



CMND	280942276
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	20/3 Khu phố Bình Quới A, Phường Bình Chuẩn, Thị Xã Thuận An, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính – ngân hàng
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Làm việc tại Phòng Tài chính Kế toán CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ 2012 – nay	Làm việc tại Phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp cấp nước Dĩ An thuộc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước - Môi trường Bình Dương (nay là Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

## 12. Tài sản

**Bảng 21: Tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2018**

*Đơn vị: Triệu đồng*



Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>829.033</b>	<b>103.654</b>	<b>725.379</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	452.984	50.507	402.477
Máy móc và thiết bị	96.155	29.369	66.786
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	273.655	23.415	250.240
Thiết bị dụng cụ quản lý	121	77	44
TSCĐ khác	6.118	287	5.831
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>57.662</b>	<b>2.086</b>	<b>55.576</b>
Quyền sử dụng đất (*)	56.970	1.851	55.119
Phần mềm máy tính	692	235	457

(Nguồn: BCTC Soát xét 6 tháng đầu năm 2018)

(\*) Chi tiết quyền sử dụng đất:

STT	Công ty	Vị trí	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn
1	Nhà máy nước thô Dĩ An	Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương	4.698,1	Đến ngày 12/11/2064
2	Nhà máy xử lý nước Dĩ An	An Phú, Thuận An, Bình Dương	71.196,6	Đến ngày 12/11/2064
3	Nhà Máy Nước thô Bàu Bàng	Xã Trừ Văn Thố, Bàu Bàng, Bình Dương	204.521,2	Đang trong giai đoạn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
4	Nhà máy Xử lý nước Bàu Bàng	Xã Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương	174.441	Đến ngày 04/08/2067
<b>Tổng cộng</b>			<b>454.856,9</b>	

(Nguồn: TDM)

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

#### 13.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Kế hoạch SXKD, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2018 được dự kiến như sau:

**Bảng 22: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của TDM**



STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	%+/- /2017	Kế hoạch năm 2019
1	Sản lượng nước (m <sup>3</sup> )	38.359.738	43.346.504	13,0	47.841.803
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	197.002	230.430	17,0	323.275
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	75.894	97.442	28,4	133.040
4	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	744.509	1.088.065	46,1	1.148.024
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	8,0	9,0	1	9,0
6	LNST/DTT (%)	38,5	42,3	3,76	41,15
7	LNST/VCSH (%)	13,2	10,6	-	11,59

(Nguồn: TDM)

### 13.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

6 tháng đầu năm 2018 Công ty đã đạt được 50% sản lượng nước sạch, 56% Doanh thu kế hoạch và 59% kế hoạch Lợi nhuận đề ra cho cả năm 2018. Do đó, Công ty tự tin có thể hoàn thành được chỉ tiêu đã đề ra cho năm 2018. Đồng thời, cơ sở để Công ty vạch ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2019 như sau:

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch rất có triển vọng vì nhu cầu thị trường đối với dịch vụ Công ty cung cấp ngày một tăng. Với lợi thế của tỉnh Bình Dương là tỉnh có nhiều khu công nghiệp tập trung và dân cư từ các địa phương khác tập trung về đông kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch tăng. Điều này đòi hỏi sản lượng cung cấp nước ngày càng cao.
- Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương, trong đó có quy hoạch ngành cấp nước, Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để tăng sản lượng nước. Định hướng của Công ty là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Bình Dương, phù hợp với tốc độ đô thị hoá và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.
- Công ty đang tiếp tục triển khai thực hiện việc nâng cấp Hệ thống Cấp nước Dĩ An thuộc NMN Dĩ An giai đoạn 2 \_ Nâng tổng công suất NMN Dĩ An lên 160.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - Từ tháng 7/2018 Công ty đã triển khai nâng cấp hệ thống ống bê lắng - lắp thêm ống lắng Lamén để nâng tổng công suất Nhà máy nước Dĩ An lên thành 160.000m<sup>3</sup>/ngày đêm với tổng giá trị 28 tỷ đồng, dự kiến đến 11/2018 hoàn thành đưa vào sử dụng.
  - Dự án Nâng công suất Nhà máy Nước Khu liên hợp với công suất tăng thêm 60.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Khi đó sẽ góp phần nâng cao sản lượng, tăng doanh thu và



mang lại hiệu quả đầu tư rất lớn cho Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Dự án đang trong giai đoạn tiền khả thi và sẽ được triển khai trong thời gian tới.

- Công ty nhận được được sự quan tâm, hỗ trợ của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, các Sở, ban, ngành của Tỉnh và chính quyền các cấp từ địa phương đến Trung ương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao hàng năm cho Công ty.
- Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều năm kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

**14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, CTCP Chứng khoán VNDIRECT đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm tài chính 2018 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

**15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết**

Không có.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty**

Không có.



## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

### 2. Mệnh giá

10.000 (Mười nghìn) đồng

### 3. Tổng số chứng khoán niêm yết

81.200.000 (Tám mươi một triệu hai trăm nghìn) cổ phiếu

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

#### 4.1. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy CNĐKDN, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

CTCP Nước Thủ Dầu Một thành lập ngày 07/11/2013. Tính đến thời điểm hiện tại (9/2018), cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cổ phần sau ngày 07/11/2016.

Số lượng cổ phiếu của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và hạn chế chuyển nhượng 50% trong 06 tháng tiếp theo:

STT	Họ và Tên	Số CMND	Chức vụ	Số cổ phần bị hạn chế trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Số cổ phần bị hạn chế trong 06 tháng tiếp theo
I	Hội Đồng Quản Trị			6.826.000	3.413.000
1	Nguyễn Văn Trí	280961641	Chủ tịch HĐQT	500.000	250.000
2	Nguyễn Thanh Phong (đại diện Công ty TNHH Thương Mại N.T.P)	024302473	Thành viên HĐQT	600.000	300.000
3	Võ Văn Bình	023794681	Thành viên HĐQT	4.500.000	2.250.000



4	Lý Thế Anh Tuấn	280447029	Thành viên HĐQT	-	-
5	Nguyễn Thị Diên	280350660	Thành viên HĐQT	1.226.000	613.000
<b>II Ban Kiểm Soát</b>				<b>200.000</b>	<b>100.000</b>
1	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	280887623	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Thị Mộng Thường	280843806	Thành viên	200.000	100.000
3	Nguyễn Thị Ái Nhân	280942276	Thành viên	-	-
<b>III Ban Tổng Giám đốc</b>				<b>1.586.725</b>	<b>793.362</b>
1	Trần Thế Hưng	280629047	Tổng Giám Đốc	1.546.725	773.362
2	Tăng Tố Văn	280522101	Kế Toán Trưởng	40.000	20.000
<b>IV Người có liên quan đến cổ đông nội bộ</b>				<b>20.479.727</b>	<b>10.239.863</b>
1	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc	3700773106	Người có liên quan của TV HĐQT: Ông Nguyễn Văn Trí	12.072.727	6.036.363
2	Công ty TNHH Thương mại N.T.P	0301658057	Người có liên quan của TV HĐQT: Ông Nguyễn Thanh Phong	8.407.000	4.203.500
<b>Tổng cộng</b>				<b>29.092.452</b>	<b>14.546.225</b>

(Nguồn: TDM)

**4.2. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của đợt chào bán cổ phiếu năm 2017 và 2018**

STT	Họ và Tên	Số CMND	Chức vụ	Trong đợt chào bán cho CĐHH (cổ phiếu còn dư) Từ 26/07/2017 đến 25/07/2018	Trong đợt chào bán ESOP Từ 15/01/2018 đến 14/01/2019	Trong đợt chào bán riêng lẻ cổ phiếu Từ 15/01/2018 đến 14/01/2019
1.	Dương Anh Thư	280608628	-	63.403		
2.	Hồ Lê Minh	079092002763	-			2.000.000



3.	Nguyễn Phước Nguyên	280798060	-	12.600	350.000	
4.	Nguyễn Thanh Phong	281078200	-	117.672		
5.	Nguyễn Thanh Phong	024302473	TV HDQT		600.000	
6.	Nguyễn Thành Nam	280785914	-	60.000		
7.	Nguyễn Thị Diên	280350663	TV HDQT		226.000	
8.	Nguyễn Thị Mộng Thường	280843806	TV BKS		200.000	
9.	Nguyễn Thị Thu Vân	280647944	-	650.000		
10.	Nguyễn Tấn Vinh	280700953	-	3.250		
11.	Nguyễn Văn Thiên	280687466	-	323.774		
12.	Nguyễn Văn Trí	280961641	CT HDQT		500.000	
13.	Trần Thanh Trí	280560101	-	400.000		
14.	Trần Thế Hưng	280629047	TGD	500.000	699.504	
15.	Tăng Tố Vân	280522101	KTT		10.000	
16.	Võ Văn Bình	075067000158	TV HDQT		250.000	
17.	Đinh Thị Thúy Nga	280943145	-		324.000	
18.	Đỗ Minh Cường	280777323	-	306.660		
19.	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam	3700829126	-		7.000.000	
20.	TCT CP Bảo hiểm Bưu điện	41A/GPĐC4/K DBH	-		4.000.000	
<b>Tổng cộng</b>				<b>2.437.359</b>	<b>3.159.504</b>	<b>13.000.000</b>

#### 5. Phương pháp định giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo các phương pháp sau:

- Phương pháp giá trị sổ sách;
- Phương pháp so sánh P/E, P/B với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết;



- Phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trên SGDCK Hà Nội.

**5.1. Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2016, ngày 31/12/2017 và ngày 30/06/2018 của cổ phần CTCP Nước Thủ Dầu Một như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
Vốn chủ sở hữu	Đồng	403.836.227.418	744.509.271.543	1.049.901.587.402
Số lượng cổ phần	Cổ phần	34.781.014	65.040.496	81.200.000
Giá trị sổ sách 1 cổ phần	Đồng	11.611	11.447	12.930

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC SX 6 tháng 2018)

**5.2. Phương pháp so sánh P/E, P/B**

Chỉ tiêu	BDW (CTCP Cấp thoát nước Bình Dương)	VSI (CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước)	CTW (CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ)
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2018 (triệu đồng)	156.077	196.768	383.060
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 (triệu đồng)	7.596	10.605	20.781
Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	12.410.800	13.200.000	28.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	612,0	803,4	742,2
Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2018 (đồng)	11.943	16.967	12.576
Giá cổ phiếu ngày 24/09/2018 (đồng)	8.800	28.450	6.000
P/B	0,70	1,91	0,44
P/E	16,24	11,71	4,13
<b>P/B bình quân (lần)</b>	<b>1,02</b>		
<b>P/E bình quân (lần)</b>	<b>19,30</b>		

✓ Phương pháp P/B

$$P=B * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá 01 cổ phiếu theo Phương pháp P/B
- P/B bình quân: là hệ số giá chia cho giá trị sổ sách bình quân của các công ty cùng ngành cùng quy mô tương ứng đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội



- B: Giá trị sổ sách cổ phiếu TDM tại thời điểm 30/06/2018 theo Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của TDM: 12.930 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu TDM của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một theo phương pháp P/B =  $12.930 \times 1,02 = 13.131$  đồng/cổ phần

- ✓ Phương pháp P/E

$P = E \times P/E$  bình quân

Trong đó:

- P: Giá 01 cổ phiếu theo phương pháp P/E
- P/E bình quân: là hệ số giá chia thu nhập mỗi cổ phiếu được tính bằng bình quân của P/E các công ty cùng ngành cùng quy mô tương ứng đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- E: Thu nhập bình quân của cổ phiếu TDM tại thời điểm 30/06/2018 theo Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của TDM là 1.584 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu TDM của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu một theo phương pháp P/E =  $1.584 \times 19,30 = 30.553$  đồng/cổ phiếu

### 5.3. Phương pháp trung bình giá thị trường của cổ phiếu TDM trong 20 phiên giao dịch gần nhất

Căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm hiện tại và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, CTCP Nước Thủ Dầu Một sẽ lấy bình quân giá đóng cửa của 20 phiên giao dịch cuối cùng trước khi hủy đăng ký giao dịch trên Sàn Giao dịch UPCOM để làm phương pháp tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tính đến ngày 24/9/2018: giá giao dịch trung bình trong 20 phiên giao dịch gần nhất của TDM là: **19.000** đồng/cổ phiếu.

### 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)

Hiện tại, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/9/2015) của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó quy định Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

(i) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

(ii) Trường hợp Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;



(iii) Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

(iv) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

(v) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm (i), (ii), (iii), (iv) thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Tuy nhiên, đến thời điểm này do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài cụ thể đối với từng ngành nghề kinh doanh của các công ty đại chúng theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP do đó Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một tạm thời sẽ áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Sau khi có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này, Công ty sẽ thực hiện rà soát ngành, nghề kinh doanh, trên cơ sở đó sẽ dự kiến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật và sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Các báo cáo và công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài Công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm niêm yết, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần Công ty.

## **7. Các loại thuế có liên quan**

### **7.1. Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp**

- *Thuế giá trị gia tăng:* Công ty áp dụng mức thuế giá trị gia tăng là 10% theo quy định của Pháp luật.
- *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:*

Theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ cho dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động xã hội hóa (sản xuất nước sạch), miễn thuế trong 4 năm (từ năm 2013-2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 05 năm tiếp theo (từ năm 2018-2020) kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế TNDN.

Các ưu đãi thuế TNDN nêu trên không áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành (20%) đối với thu nhập từ hoạt động này.

### **7.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**

#### **❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập



từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
  - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
  - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư. Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.



## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. Tổ chức tư vấn**

#### **Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39 410 510 Fax: (84-24) 39 410 500

Website: <https://www.vndirect.com.vn/>

### **2. Tổ chức kiểm toán năm 2016**

#### **Công ty TNHH Kiểm toán VACO**

Địa chỉ: Tầng 6 – Tòa nhà HUD, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 38406618

Fax: (84-28) 38406616

Website: [www.vaco.com.vn](http://www.vaco.com.vn)

### **3. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2017, soát xét giữa niên độ 6 tháng năm 2018**

#### **Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 38241990

Fax: (84-24) 38243973

Website: [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)



## **VII. PHỤ LỤC**

1. Bản cáo bạch đăng ký niêm yết
2. Bảo sao giấy CN ĐKKD
3. Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu
4. Nghị quyết HĐQT triển khai kế hoạch chuyển sàn
5. Điều lệ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
6. BCTC được kiểm toán 2016, 2017  
BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018  
Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ



Bình Dương, ngày 28 tháng 09 năm 2018

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Nguyễn Văn Tiến*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Trần Thế Hưng*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Tăng Có Văn*

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



*Nguyễn Thị Ngọc Thanh*



**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**



**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**  
**VŨ NAM HƯƠNG**



0  
K  
P  
A  
C